

LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ
ĐỢT 1 NĂM 2025

DANH SÁCH SỐ BÁO DANH VÀ BÀN THI THỰC HÀNH
KỶ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ
ĐỢT 1 NĂM 2025 KHU VỰC PHÍA NAM

(Ban hành kèm theo Thông báo số 21/TB-HĐKT ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng kiểm tra)

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 1 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 1.2 - Từ SBD 0001 đến 0026)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
1	Nguyễn Trung	Á	11/06/1973	TP. HCM	0001	
2	Đinh Thị Hà	An	04/02/1995	Tp. HCM	0002	
3	Lê Thùy Vương	An	08/03/1997	TP. HCM	0003	
4	Nguyễn Hoàng	An	20/10/1974	Bến Tre	0004	
5	Nguyễn Hoàng	An	05/08/1998	Tp. HCM	0005	
6	Nguyễn Thị Thùy	An	29/06/1997	Tp. HCM	0006	
7	Nguyễn Ngọc Minh	Ân	24/01/1997	TP. HCM	0007	
8	Võ Hoàng	Ân	28/08/1995	TP. HCM	0008	
9	Đặng Văn	Ân	23/06/1963	Tp. HCM	0009	
10	Bùi Vân	Anh	10/03/1997	TP. HCM	0010	
11	Đặng Quốc	Anh	04/03/1996	TP. Hà Nội	0011	
12	Đinh Thị Trâm	Anh	26/09/1991	TP. HCM	0012	
13	Đỗ Thị Minh	Anh	09/10/1998	TP. HCM	0013	
14	Hồ Thị Như	Anh	08/04/1995	TP. HCM	0014	
15	Lê Hiệp	Anh	12/11/1988	TP. HCM	0015	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
16	Lê Hoàng Tường	Anh	28/07/1996	TP. Hà Nội	0016	
17	Lê Nhật	Anh	09/04/1998	Cần Thơ	0017	
18	Lê Nhật	Anh	16/12/1988	TP. HCM	0018	
19	Lê Quang	Anh	05/12/1991	TP. Hà Nội	0019	
20	Lê Thị Phương	Anh	25/08/1998	TP. HCM	0020	
21	Lê Tuấn	Anh	26/10/1987	Tp. HCM	0021	
22	Mai Thị Vân	Anh	24/09/1994	Đồng Nai	0022	
23	Ngô Thị Tuyết	Anh	27/11/1994	Tp. HCM	0023	
24	Nguyễn Dư Ngọc	Anh	01/12/1999	TP. HCM	0024	
25	Nguyễn Hoàng	Anh	20/03/1995	TP. HCM	0025	
26	Nguyễn Hoàng Nhật	Anh	03/02/1995	TP. HCM	0026	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 2 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 1.4 - Từ SBD 0027 đến 0052)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Hồng	Anh	04/12/1999	TP. HCM	0027	
2	Nguyễn Hồng	Anh	13/09/1977	Ninh Thuận	0028	
3	Nguyễn Hữu	Anh	05/02/1985	TP. HCM	0029	
4	Nguyễn Minh	Anh	11/11/1999	TP. HCM	0030	
5	Nguyễn Ngọc	Anh	27/05/1971	Tp. HCM	0031	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
6	Nguyễn Ngọc	Anh	04/08/1984	Tp. HCM	0032	
7	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	13/04/1997	Tp. HCM	0033	
8	Nguyễn Thị Kim	Anh	29/01/1997	TP. HCM	0034	
9	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/07/1997	Đà Nẵng	0035	
10	Nguyễn Thị Lan	Anh	20/12/1996	TP. HCM	0036	
11	Nguyễn Thị Quế	Anh	03/06/1982	TP. HCM	0037	
12	Nguyễn Thị Tường	Anh	02/02/1995	Tp. HCM	0038	
13	Nguyễn Thị Vân	Anh	03/03/1980	Đồng Nai	0039	
14	Nguyễn Trung	Anh	06/02/1995	Tp. HCM	0040	
15	Nguyễn Tuấn	Anh	07/12/1999	Tp. HCM	0041	
16	Nguyễn Vân	Anh	23/11/1995	TP. HCM	0042	
17	Ông Mỹ	Anh	08/07/1986	BR-VT	0043	
18	Phạm Hùng	Anh	01/05/1996	Tp. HCM	0044	
19	Phạm Lê Tuấn	Anh	26/08/1993	Bình Thuận	0045	
20	Phạm Ngọc Quế	Anh	30/08/1998	TP. HCM	0046	
21	Phạm Quỳnh	Anh	28/07/1998	Tp. HCM	0047	
22	Phạm Thị Thùy	Anh	27/02/1994	Tp. HCM	0048	
23	Phạm Tuấn	Anh	02/09/1988	Đồng Nai	0049	
24	Phan Thị Kim	Anh	21/12/1997	TP. HCM	0050	
25	Phan Trâm	Anh	08/04/1999	TP. HCM	0051	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
26	Phan Trịnh Duy	Anh	28/10/1999	TP. HCM	0052	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 3 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 1.1 - Từ SBD 0053 đến 0078)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Võ Phúc	Anh	24/02/1991	Bình Phước	0053	
2	Võ Thị Mỹ	Anh	06/03/1997	Tp. HCM	0054	
3	Vũ Tuấn	Anh	17/01/1994	Tp. HCM	0055	
4	Đặng Huỳnh Ngọc	Ánh	12/02/1999	TP. HCM	0056	
5	Hà Thị Ngọc	Ánh	14/08/1998	TP. HCM	0057	
6	Nguyễn Thị	Ánh	13/06/2000	Đà Nẵng	0058	
7	Trần Thị Ngọc	Ánh	25/08/1999	TP. HCM	0059	
8	Huỳnh Thị	Ba	04/08/1993	TP. HCM	0060	
9	Nguyễn Thị Thu	Ba	21/05/1997	Tp. HCM	0061	
10	Nguyễn Khắc Chí	Bằng	09/01/1999	Đồng Nai	0062	
11	Huỳnh Ngọc	Bảo	31/10/1991	TP. HCM	0063	
12	Mai Phước	Bảo	06/10/2000	TP. HCM	0064	
13	Nguyễn Gia	Bảo	26/06/1999	TP. HCM	0065	
14	Trịnh Văn	Bảo	04/11/1997	Bình Dương	0066	
15	Mai Văn	Bé	01/01/1988	Bạc Liêu	0067	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
16	Thị	Bích	15/10/1992	Tp. HCM	0068	
17	Phan Xuân	Bính	16/01/1976	Đồng Nai	0069	
18	Bùi Ngọc Nguyên	Bình	22/07/1999	Bình Thuận	0070	
19	Đỗ Thanh	Bình	23/05/1997	TP. HCM	0071	
20	Huỳnh Chí	Bình	10/07/1963	TP. HCM	0072	
21	Lê Văn	Bình	01/09/1996	Bình Dương	0073	
22	Nguyễn Thanh	Bình	19/02/1986	Kiên Giang	0074	
23	Nguyễn Thị Kim	Bình	01/07/1976	Tp. HCM	0075	
24	Trần Thị Thanh	Bình	05/07/1998	Khánh Hòa	0076	
25	Trần Thị Thanh	Bình	11/12/1989	TP. HCM	0077	
26	K'	Brin	08/06/1994	TP. HCM	0078	

JAT
 HỘI Đ
 LUẬT
 ĐÀN

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 4 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 1.1 - Từ SBD 0079 đến 0104)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hồng	CẨM	27/01/1986	TP. HCM	0079	
2	Hồ Tất	Cảnh	03/05/1999	Quảng Trị	0080	
3	Lê Quang	Cảnh	02/01/1978	Đà Nẵng	0081	
4	Nguyễn Minh	Cảnh	12/05/1998	Tp. HCM	0082	
5	Phan Trọng	CẦU	22/01/1956	TP. HCM	0083	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
6	Nguyễn Nhật Minh	Chánh	15/06/1997	Đồng Nai	0084	
7	Nguyễn Đặng Minh	Châu	27/07/1999	TP. HCM	0085	
8	Trương Hồng Minh	Châu	19/09/1997	TP. HCM	0086	
9	Đỗ Ngọc Kim	Chi	15/05/1998	Tp. HCM	0087	
10	Huỳnh Thị Kim	Chi	05/01/1991	TP. HCM	0088	
11	Trần Thị Lệ	Chi	18/06/1998	TP. HCM	0089	
12	Nguyễn Văn	Chí	18/11/1997	TP. HCM	0090	
13	Dương Thị	Chiến	02/08/1991	Long An	0091	
14	Lê Uy	Chinh	27/12/1981	Quảng Ngãi	0092	
15	Trịnh Tùng	Chinh	06/03/1994	TP. Huế	0093	
16	Đoàn Công	Chính	29/08/1994	TP. HCM	0094	
17	Lê Văn	Chính	16/11/1989	TP. HCM	0095	
18	Phạm Đức	Chính	24/10/1997	Đồng Nai	0096	
19	Nguyễn Thị	Chúc	25/02/1997	Tp. HCM	0097	
20	Hồ Thị Hồng	Chung	22/08/1995	Đắk Lắk	0098	
21	Trương Bảo	Chung	20/05/1994	Tp. HCM	0099	
22	Bảo	Chương	07/02/1972	BR-VT	0100	
23	Lê Dương Đình	Chương	22/04/1986	TP. HCM	0101	
24	Ngô Thái Nguyên	Chương	25/07/1996	TP. HCM	0102	
25	Nguyễn Văn	Chương	24/12/1996	Đồng Nai	0103	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
26	Nguyễn Văn	Chương	21/03/1990	Khánh Hòa	0104	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 5 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 1.3 - Từ SBD 0105 đến 0130)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Huỳnh Văn	Chuyên	20/03/1994	TP. HCM	0105	
2	Trần Thị	Chuyên	15/02/1996	TP. HCM	0106	
3	Đình Thanh	Công	21/03/1992	Tp. HCM	0107	
4	Nguyễn Minh	Công	05/02/1979	Đồng Nai	0108	
5	Trần Văn	Công	05/09/1979	Cần Thơ	0109	
6	Đoàn Mỹ	Cúc	26/02/1999	TP. HCM	0110	
7	Đặng Nguyễn Trung	Cương	10/07/1998	TP. Hà Nội	0111	
8	Hoàng Văn	Cương	08/01/1996	Tp. HCM	0112	
9	Nguyễn Việt	Cương	23/09/1983	BR-VT	0113	
10	Dương Chí	Cường	14/02/1996	TP. HCM	0114	
11	Lê Xuân	Cường	28/05/1993	TP. HCM	0115	
12	Nguyễn Chí	Cường	18/12/1977	Tp. HCM	0116	
13	Nguyễn Gia	Cường	15/08/1999	TP. HCM	0117	
14	Nguyễn Hùng	Cường	09/10/1965	Cà Mau	0118	
15	Nguyễn Văn	Cường	08/10/1987	Đồng Nai	0119	

SU
ÔNG
SƯ
QUỐC

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
16	Nguyễn Văn	Cường	15/04/1989	TP. HCM	0120	
17	Lê Thị Phương	Đài	29/06/1998	TP. HCM	0121	
18	Nguyễn Anh	Đài	29/09/1999	Đồng Nai	0122	
19	Nguyễn Thị Thu	Dân	30/01/1998	Khánh Hòa	0123	
20	Phạm Tấn Sĩ	Dân	18/10/1991	Ninh Thuận	0124	
21	Trần Thị Thùy	Dân	02/02/1998	Đà Nẵng	0125	
22	Nguyễn Ngọc	Đang	13/05/1998	TP. HCM	0126	
23	Dương Hải	Đảng	02/06/1998	TP. HCM	0127	
24	Lê Bảo Hà	Đảng	06/01/1998	TP. HCM	0128	
25	Nguyễn Hồng	Đảng	19/04/1994	TP. HCM	0129	
26	Trần Phong	Đảng	30/10/1987	TP. HCM	0130	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

**BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 6 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 1.3 - Từ SBD 0131 đến 0156)**

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Lê Thanh	Đặng	16/09/1987	Cà Mau	0131	
2	Trần Thị Ánh	Đào	08/04/1980	Tp. HCM	0132	
3	Trịnh Thị	Đào	14/08/1986	TP. HCM	0133	
4	Trần Văn	Đạo	12/04/1994	Trà Vinh	0134	
5	Đỗ Thành	Đạt	17/12/1999	TP. HCM	0135	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
6	Huỳnh Mẫn	Đạt	28/06/1998	Tp. HCM	0136	
7	Lê Quang	Đạt	08/01/1998	Tp. HCM	0137	
8	Mai Vô Phát	Đạt	14/04/1996	Tp. HCM	0138	
9	Nguyễn Phan Ngọc	Đạt	20/02/1998	TP. HCM	0139	
10	Nguyễn Thành	Đạt	18/09/1983	Tp. HCM	0140	
11	Nguyễn Tiến	Đạt	06/08/1985	TP. HCM	0141	
12	Trần Tấn	Đạt	02/07/1996	Cần Thơ	0142	
13	Lê Thị	Đẹp	12/11/1999	Cà Mau	0143	
14	Lê Nguyễn Tường	Đi	24/10/1996	TP. HCM	0144	
15	Danh Hoàng	Đi	09/09/1990	TP. HCM	0145	
16	Hà Thị Kiều	Điểm	16/03/1999	TP. HCM	0146	
17	Nguyễn Thị Huyền	Điểm	19/05/1993	TP. HCM	0147	
18	Nguyễn Thị Thúy	Điểm	15/01/1974	Tiền Giang	0148	
19	Trần Thị	Điểm	04/12/1995	TP. HCM	0149	
20	Trần Ngọc	Điểm	05/03/1997	Tp. HCM	0150	
21	Nguyễn Văn Vĩnh	Điền	26/06/1978	Đà Nẵng	0151	
22	Mai Thị Ngọc	Điệp	16/12/1996	TP. HCM	0152	
23	Phạm Gia	Điệp	20/01/1984	TP. HCM	0153	
24	Đoàn Tích	Diệu	06/01/1981	TP. HCM	0154	
25	Hồ Thúy	Diệu	27/07/1995	Bình Dương	0155	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
26	Nguyễn Ngọc	Diệu	24/10/1989	Cần Thơ	0156	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 7 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 2.2 - Từ SBD 0157 đến 0182)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Phạm Thị	Diệu	25/11/1999	Đồng Tháp	0157	
2	Phạm Văn	Đó	18/06/1980	Tây Ninh	0158	
3	Võ Ngọc Trang	Đoan	04/03/1999	TP. HCM	0159	
4	Huỳnh Công	Đoàn	14/09/1985	TP. HCM	0160	
5	Mai Nhựt	Đông	01/09/1983	Bến Tre	0161	
6	Phan Văn	Đông	27/11/1998	Cần Thơ	0162	
7	Nguyễn Thành	Đông	01/05/1983	TP. HCM	0163	
8	Phí Tấn	Dục	29/03/1995	TP. HCM	0164	
9	Lê Quang	Đức	31/08/1999	Đà Nẵng	0165	
10	Lữ Hoàng	Đức	16/04/1997	TP. HCM	0166	
11	Nguyễn Minh	Đức	06/09/1992	TP. HCM	0167	
12	Nguyễn Trọng	Đức	22/03/1995	Lâm Đồng	0168	
13	Nguyễn Trọng	Đức	19/10/1997	Tp. HCM	0169	
14	Nguyễn Văn	Đức	23/10/1998	TP. HCM	0170	
15	Võ Hiền	Đức	02/05/1999	TP. HCM	0171	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
16	Bùi Thị Thùy	Dung	25/06/1998	Tp. HCM	0172	
17	Lê Thị Thùy	Dung	10/10/2000	TP. HCM	0173	
18	Nguyễn Thị Kim	Dung	13/06/1998	TP. HCM	0174	
19	Nguyễn Thị Phương	Dung	28/09/1998	Đắk Lắk	0175	
20	Nguyễn Thị Thùy	Dung	18/12/1976	TP. HCM	0176	
21	Nguyễn Thùy	Dung	17/02/1991	TP. HCM	0177	
22	Phạm Ngọc	Dung	19/01/1986	TP. HCM	0178	
23	Phạm Thị Thùy	Dung	22/09/1997	TP. HCM	0179	
24	Trần Nguyễn Phương	Dung	15/09/1987	Tp. HCM	0180	
25	Trần Thị Mỹ	Dung	18/08/1985	Khánh Hòa	0181	
26	Đặng Trí	Dũng	24/06/1996	Tp. HCM	0182	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 8 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 2.4 - Từ SBD 0183 đến 0208)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Đào Văn	Dũng	29/02/1992	TP. HCM	0183	
2	Đoàn Quốc	Dũng	07/08/1994	TP. HCM	0184	
3	Lê Minh Bảo	Dũng	30/04/1994	TP. HCM	0185	
4	Nguyễn Đức	Dũng	25/12/1998	TP. HCM	0186	
5	Phạm Văn	Dũng	21/04/1990	TP. HCM	0187	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
6	Phan Đức	Dũng	17/07/1997	TP. HCM	0188	
7	Trần Văn	Dũng	21/02/1984	Đồng Nai	0189	
8	Trần Văn	Dũng	10/12/1990	TP. HCM	0190	
9	Trần Việt	Dũng	25/08/1989	TP. HCM	0191	
10	Trương Quốc	Dũng	02/01/1973	Đồng Nai	0192	
11	Võ Quang	Dũng	12/01/1959	TP. HCM	0193	
12	Huỳnh Tấn	Được	20/05/1999	TP. HCM	0194	
13	Đào Minh	Dương	09/06/1983	Ninh Thuận	0195	
14	Đỗ Quý	Dương	25/10/1997	TP. HCM	0196	
15	Kim Ngọc	Dương	28/11/1998	Đồng Nai	0197	
16	Lê Thị Thùy	Dương	21/10/1964	An Giang	0198	
17	Lê Thùy	Dương	04/06/1994	TP. HCM	0199	
18	Nguyễn Hải	Dương	05/12/1999	TP. Huế	0200	
19	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	19/03/1998	Tp. HCM	0201	
20	Nguyễn Thùy	Dương	02/04/1996	Bình Dương	0202	
21	Nguyễn Vũ Trùng	Dương	19/08/1978	Tp. HCM	0203	
22	Nguyễn Xuân	Dương	15/10/1983	Bình Dương	0204	
23	Trần Minh	Dương	28/04/1980	Tp. HCM	0205	
24	Võ Công	Dương	02/01/2000	TP. HCM	0206	
25	Bùi Đức	Duy	23/03/1998	TP. HCM	0207	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
26	Bùi Trương	Duy	15/01/1998	Bình Dương	0208	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 9 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 2.6 - Từ SBD 0209 đến 0234)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Ngô Xuân	Duy	20/10/1994	TP. HCM	0209	
2	Nguyễn Huy Nhật	Duy	01/01/2000	TP. HCM	0210	
3	Nguyễn Khắc	Duy	04/06/1982	Tp. HCM	0211	
4	Nguyễn Việt	Duy	08/03/1995	TP. HCM	0212	
5	Phạm Quốc	Duy	16/10/1997	TP. HCM	0213	
6	Phan Tấn	Duy	19/08/1987	Đắk Nông	0214	
7	Phan Trần Đăng	Duy	16/01/1996	Tp. HCM	0215	
8	Trần Phước	Duy	26/04/1997	TP. HCM	0216	
9	Trương Thanh	Duy	03/12/1996	Bình Phước	0217	
10	Hoàng Thị	Duyên	07/11/1990	Tp. HCM	0218	
11	Hoàng Thị Mỹ	Duyên	19/01/1997	TP. HCM	0219	
12	Lê Thị Kỳ	Duyên	03/11/1997	TP. HCM	0220	
13	Lê Thị Lệ	Duyên	03/03/1973	Tp. HCM	0221	
14	Lê Thị Mỹ	Duyên	11/12/1998	TP. HCM	0222	
15	Lý Thị Hồng	Duyên	07/02/1998	TP. HCM	0223	

AT
ĐC
UẬT
AN Q
☆

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
16	Nguyễn Mỹ	Duyên	13/11/1997	Tp. HCM	0224	
17	Nguyễn Thị	Duyên	03/10/1994	TP. HCM	0225	
18	Nguyễn Thị Cẩm	Duyên	02/02/1999	Tp. HCM	0226	
19	Võ Thị Thanh	Duyên	15/12/1995	TP. HCM	0227	
20	Vũ Thị Kiều	Duyên	27/04/1995	TP. HCM	0228	
21	Nguyễn Văn	E	08/03/1968	Cần Thơ	0229	
22	Trần Thị Kim	Gấm	27/08/1994	Tp. HCM	0230	
23	Lê Khắc	Ghi	10/05/1986	Tp. HCM	0231	
24	Trần Hoàng	Gia	16/06/1997	TP. HCM	0232	
25	Bùi Lam	Giang	23/01/1976	TP. HCM	0233	
26	Bùi Thị Hà	Giang	08/04/1998	TP. HCM	0234	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 10 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 2.1 - Từ SBD 0235 đến 0260)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Hương	Giang	28/01/1981	Tp. HCM	0235	
2	Nguyễn Thị Hương	Giang	16/11/2000	Đồng Nai	0236	
3	Nguyễn Thị Nam	Giang	08/07/1996	Khánh Hòa	0237	
4	Nguyễn Trịnh Nhật	Giang	25/08/1991	Tp. HCM	0238	
5	Trần Bảo	Giang	05/02/1985	Đồng Nai	0239	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
6	Trần Dương Hương	Giang	09/03/1998	Cần Thơ	0240	
7	Trần Ngân	Giang	10/07/1983	TP. HCM	0241	
8	Trần Thị Bảo	Giang	05/10/1994	Quảng Nam	0242	
9	Võ Đông	Giang	19/05/1975	Tây Ninh	0243	
10	Võ Thái Thu	Giang	22/10/1999	TP. HCM	0244	
11	Hồ Thị Trúc	Giao	21/06/1999	TP. Huế	0245	
12	Từ Ngọc	Giáp	01/08/1979	TP. HCM	0246	
13	Lưu Thị Ngọc	Giàu	22/03/1995	TP. HCM	0247	
14	Nguyễn Thanh	Giàu	27/06/1997	Tp. HCM	0248	
15	Huỳnh Minh	Giới	10/06/1980	TP. HCM	0249	
16	Đan Thúy	Hà	23/03/1998	TP. HCM	0250	
17	Đặng Thị Việt	Hà	11/03/1992	TP. HCM	0251	
18	Đặng Văn	Hà	05/05/1986	Tp. HCM	0252	
19	Đoàn Ngân	Hà	06/08/1999	TP. HCM	0253	
20	Lê Sơn	Hà	19/04/1992	TP. HCM	0254	
21	Nguyễn Duy	Hà	02/01/1999	Tp. HCM	0255	
22	Nguyễn Minh	Hà	18/02/1999	TP. HCM	0256	
23	Nguyễn Thị Thu	Hà	25/01/1997	TP. HCM	0257	
24	Nguyễn Thị Thu	Hà	01/09/1999	Tp. HCM	0258	
25	Nguyễn Thị Thúy	Hà	01/01/1974	Tp. HCM	0259	

SU
NG
SU
JỐC
WV

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
26	Nguyễn Tiên	Hà	02/09/1978	Bình Dương	0260	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 11 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 2.1 - Từ SBD 0261 đến 0286)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Phạm Thị Thu	Hà	19/09/1983	Tp. HCM	0261	
2	Quách Mạnh	Hà	26/02/1981	Tây Ninh	0262	
3	Võ Thị Ngân	Hà	14/08/1998	TP. HCM	0263	
4	Vũ Thu	Hà	08/10/1994	TP. HCM	0264	
5	Nguyễn Thị Hồng	Hạ	02/08/1988	TP. HCM	0265	
6	Bùi Thanh	Hải	09/09/1975	Tp. HCM	0266	
7	Hồ Trung	Hải	06/05/1972	BR-VT	0267	
8	Huỳnh Ngọc	Hải	14/03/1994	Tp. HCM	0268	
9	Lâm Duy	Hải	20/07/1983	TP. HCM	0269	
10	Lê Văn	Hải	25/11/1980	BR-VT	0270	
11	Lương Thanh	Hải	04/04/1994	TP. HCM	0271	
12	Lý Minh	Hải	10/08/1998	Tp. HCM	0272	
13	Mai Tuấn	Hải	01/06/1996	TP. HCM	0273	
14	Nguyễn Đông	Hải	12/11/1996	Quảng Ngãi	0274	
15	Nguyễn Thị Mỹ	Hải	20/09/1994	Đà Nẵng	0275	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
16	Nguyễn Văn	Hải	03/08/1975	Tp. HCM	0276	
17	Phạm Phú	Hải	15/03/1979	Quảng Trị	0277	
18	Phạm Văn	Hải	02/11/1978	Tp. HCM	0278	
19	Trần Nam	Hải	12/02/1985	TP. HCM	0279	
20	Trần Quốc	Hải	25/05/1997	Cần Thơ	0280	
21	Trịnh Quốc	Hải	16/05/1985	Bình Dương	0281	
22	Bùi Thị Ngọc	Hân	22/03/1994	TP. HCM	0282	
23	Phạm Huỳnh	Hân	28/03/1999	TP. HCM	0283	
24	Trần Ngọc	Hân	06/02/1989	Tp. HCM	0284	
25	Võ Kiều	Hân	22/07/1998	Tp. HCM	0285	
26	Bùi Thị Thúy	Hằng	20/06/1997	TP. HCM	0286	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 12 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 2.3 - Từ SBD 0287 đến 0312)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Đặng Minh	Hằng	23/02/1988	TP. HCM	0287	
2	Hồ Thị Thanh	Hằng	08/06/1999	TP. HCM	0288	
3	Lê Thị Mỹ	Hằng	26/04/1983	Tiền Giang	0289	
4	Nguyễn Minh	Hằng	20/09/1993	Tp. HCM	0290	
5	Nguyễn Thị Minh	Hằng	16/04/1994	TP. HCM	0291	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
6	Nguyễn Thị Thu	Hằng	07/11/1980	TP. HCM	0292	
7	Nguyễn Vũ Cẩm	Hằng	07/09/1991	TP. HCM	0293	
8	Phùng Thị Mỹ	Hằng	15/06/1988	Tp. HCM	0294	
9	Thái Ngọc	Hằng	15/04/1987	Tp. HCM	0295	
10	Trần Thị Bích	Hằng	09/05/1980	Đồng Nai	0296	
11	Trần Thị Mỹ	Hằng	02/11/1999	Tp. HCM	0297	
12	Trần Thị Thanh	Hằng	02/04/1994	Tp. HCM	0298	
13	Trần Thị Thu	Hằng	23/12/1996	Bình Dương	0299	
14	Phạm Văn	Hạnh	10/02/1981	Đà Nẵng	0300	
15	Lê Thị Ngọc	Hạnh	09/10/1999	Bình Dương	0301	
16	Thái Thị Kiều	Hạnh	11/07/1981	Cần Thơ	0302	
17	Đình Quang	Hào	27/04/1971	Tp. HCM	0303	
18	Đỗ Phong	Hào	08/06/1998	Khánh Hòa	0304	
19	Huỳnh Anh	Hào	05/12/1995	Tp. HCM	0305	
20	Mai Nhật	Hào	02/04/1999	Long An	0306	
21	Hoàng Văn	Hào	05/05/1975	Tp. HCM	0307	
22	Lưu Thị Hồng	Hào	28/12/1998	TP. HCM	0308	
23	Nguyễn Thị	Hào	10/12/1995	TP. HCM	0309	
24	Nguyễn Thị Thu	Hào	22/07/1991	TP. HCM	0310	
25	Huỳnh Ngọc	Hậu	05/12/1971	Cà Mau	0311	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
26	Huỳnh Thị	Hậu	20/11/1993	Bình Dương	0312	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 13 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 2.3 - Từ SBD 0313 đến 0338)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Duy	Hậu	23/04/1984	Bình Thuận	0313	
2	Nguyễn Thị Trung	Hậu	13/11/1979	Khánh Hòa	0314	
3	Đặng Thị	Hiền	17/07/1998	TP. HCM	0315	
4	Hoàng Thị	Hiền	22/08/1998	TP. HCM	0316	
5	Hoàng Thị Thu	Hiền	30/10/1984	TP. HCM	0317	
6	La Bá	Hiền	25/10/1998	TP. HCM	0318	
7	Nguyễn Thị Minh	Hiền	26/12/1994	Đà Nẵng	0319	
8	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	09/12/1999	Đà Nẵng	0320	
9	Nguyễn Thị Thu	Hiền	02/10/1997	TP. HCM	0321	
10	Nguyễn Trọng	Hiền	02/01/1990	Tây Ninh	0322	
11	Phạm Thanh	Hiền	18/02/1992	Tp. HCM	0323	
12	Phan Dương Thục	Hiền	11/03/1999	TP. HCM	0324	
13	Trần Thị Thu	Hiền	30/11/1994	Tp. HCM	0325	
14	Trương Thị Thanh	Hiền	07/10/1996	TP. HCM	0326	
15	Võ Thị Ánh	Hiền	16/05/1986	Tây Ninh	0327	

ĐOÀN

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
16	Đặng Minh	Hiệp	25/03/1982	Bình Thuận	0328	
17	Tạ Văn	Hiệp	11/06/1986	Tp. HCM	0329	
18	Thân Xuân	Hiệp	20/11/1976	Đồng Nai	0330	
19	Lê Thị Minh	Hiếu	10/06/1997	TP. HCM	0331	
20	Nguyễn Minh	Hiếu	25/12/1995	TP. HCM	0332	
21	Trần Đình	Hiếu	21/02/1999	TP. HCM	0333	
22	Trần Minh	Hiếu	19/08/1995	Kiên Giang	0334	
23	Trần Trọng	Hiếu	23/03/1974	Long An	0335	
24	Trần Văn	Hiếu	15/04/1996	Tp. HCM	0336	
25	Nguyễn Thanh	Hoa	17/04/1996	TP. HCM	0337	
26	Danh Minh	Hòa	11/03/1993	Tp. HCM	0338	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 14 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 3.2 - Từ SBD 0339 đến 0364)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Lê Sơn	Hòa	18/12/1982	An Giang	0339	
2	Nguyễn Tấn	Hòa	20/10/1976	Quảng Ngãi	0340	
3	Nguyễn Thị	Hòa	14/05/1979	TP. HCM	0341	
4	Phan Thị Ái	Hòa	08/05/1975	Tp. HCM	0342	
5	Võ Thị Thanh	Hòa	20/11/1999	TP. HCM	0343	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
6	Nguyễn Hữu	Hoài	03/02/1995	TP. HCM	0344	
7	Nguyễn Thị Thu	Hoài	18/11/1990	Tp. HCM	0345	
8	Lương Thị	Hoan	09/09/1995	Đắk Lắk	0346	
9	Phạm Đức	Hoan	20/03/1999	Đồng Nai	0347	
10	Lại Văn	Hoàn	16/10/1997	TP. HCM	0348	
11	Bùi Việt	Hoàng	22/03/1986	TP. HCM	0349	
12	Hà Văn Minh	Hoàng	02/10/1994	TP. HCM	0350	
13	Lê Thanh	Hoàng	28/02/1995	Quảng Trị	0351	
14	Nguyễn Huy	Hoàng	22/07/1999	TP. HCM	0352	
15	Nguyễn Minh	Hoàng	28/11/1996	Tp. HCM	0353	
16	Nguyễn Thanh	Hoàng	06/07/1986	TP. HCM	0354	
17	Phan Nguyên	Hoàng	24/10/1967	TP. HCM	0355	
18	Phan Việt	Hoàng	09/10/1995	TP. HCM	0356	
19	Tăng Văn	Hoàng	04/03/1979	BR-VT	0357	
20	Trần Duy	Hoàng	10/01/1994	Tp. HCM	0358	
21	Trần Văn	Hoàng	29/05/1999	TP. Huế	0359	
22	Trương Quang	Hoàng	10/10/1966	TP. HCM	0360	
23	Nguyễn Xuân	Hôn	05/01/1995	Tp. HCM	0361	
24	Bùi Thị Thanh	Hồng	12/04/1977	TP. HCM	0362	
25	Hoàng Thị	Hồng	05/10/1994	TP. HCM	0363	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
26	Ngô Thị Thúy	Hồng	13/02/1996	TP. HCM	0364	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 15 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 3.4 - Từ SBD 0365 đến 0390)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thị	Hồng	12/06/1988	Đồng Nai	0365	
2	Nguyễn Thị	Hồng	07/06/1996	TP. HCM	0366	
3	Phạm Thị Ngọc	Hồng	20/01/1996	Bình Dương	0367	
4	Phan Thị Ánh	Hồng	27/08/1999	Long An	0368	
5	Trần Thị	Hồng	04/10/1999	Tp. HCM	0369	
6	Võ Thị	Hồng	16/09/1998	Tp. HCM	0370	
7	Chung Mỹ	Huê	10/02/1986	TP. HCM	0371	
8	Lê Ngọc	Huệ	16/03/1997	TP. HCM	0372	
9	Nguyễn	Huệ	15/07/1957	Đồng Nai	0373	
10	Trần Thị Bích	Huệ	16/10/1999	TP. HCM	0374	
11	Trần Thị Minh	Huệ	01/01/1995	Tp. HCM	0375	
12	Hoàng Mạnh	Hùng	16/10/1976	Tp. HCM	0376	
13	Hồng	Hùng	09/07/1953	Đồng Nai	0377	
14	Lê Văn	Hùng	10/09/1979	TP. HCM	0378	
15	Lương Mạnh	Hùng	24/09/1985	Tp. HCM	0379	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
16	Nguyễn Hoàng	Hùng	07/08/1984	TP. HCM	0380	
17	Nguyễn Vĩnh	Hùng	10/05/1997	BR-VT	0381	
18	Từ Thế Anh	Hùng	18/04/1987	Đắk Lắk	0382	
19	Bùi Văn	Hùng	20/01/1997	TP. HCM	0383	
20	Lê Kiều	Hùng	24/04/1979	Đắk Nông	0384	
21	Lê Phúc	Hùng	14/01/1996	TP. Hà Nội	0385	
22	Nguyễn Quốc	Hùng	28/01/1984	BR-VT	0386	
23	Bùi Thị Thu	Hương	15/03/1999	TP. HCM	0387	
24	Đào Thị Thanh	Hương	25/10/1988	TP. HCM	0388	
25	Hoàng Thị	Hương	25/01/1999	TP. Huế	0389	
26	Huỳnh Diễm	Hương	08/02/1999	TP. HCM	0390	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 16 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 3.6 - Từ SBD 0391 đến 0416)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Lê Thị Diễm	Hương	06/01/1998	TP. HCM	0391	
2	Lê Thị Lan	Hương	05/01/1999	TP. HCM	0392	
3	Lý Huỳnh	Hương	15/09/1995	TP. HCM	0393	
4	Nguyễn Thị	Hương	23/09/1997	TP. HCM	0394	
5	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	10/11/1993	TP. HCM	0395	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
6	Nguyễn Thị Thùy	Hương	21/06/1978	Khánh Hòa	0396	
7	Phạm Thị Lan	Hương	28/12/1991	TP. HCM	0397	
8	Trần Thị Thanh	Hương	21/02/1982	Cần Thơ	0398	
9	Trần Văn	Hương	20/08/2000	Đà Nẵng	0399	
10	Lê Thanh	Hương	31/12/1976	Tp. HCM	0400	
11	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	21/09/1998	Tp. HCM	0401	
12	Vương Thị	Hương	01/01/1984	TP. HCM	0402	
13	Lê Minh	Hữu	03/03/1978	Bến Tre	0403	
14	Dương Quốc	Huy	20/04/2000	Bình Dương	0404	
15	Hồ Thanh	Huy	26/09/1980	Tp. HCM	0405	
16	Huỳnh Đức	Huy	05/09/1999	TP. HCM	0406	
17	Nguyễn Đình	Huy	02/10/1998	TP. HCM	0407	
18	Nguyễn Đức	Huy	28/06/1997	TP. HCM	0408	
19	Nguyễn Ngọc Gia	Huy	11/03/1999	TP. HCM	0409	
20	Nguyễn Trung	Huy	19/05/1996	Đà Nẵng	0410	
21	Nguyễn Văn Nhật	Huy	14/08/1996	TP. HCM	0411	
22	Phạm Đức	Huy	22/12/1976	TP. HCM	0412	
23	Trần Duy	Huy	14/05/1991	TP. HCM	0413	
24	Trần Quang	Huy	14/01/1972	TP. HCM	0414	
25	Trần Quang	Huy	08/12/1999	TP. HCM	0415	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
26	Trương Gia	Huy	27/08/1998	TP. HCM	0416	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 17 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 3.1 - Từ SBD 0417 đến 0442)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Văn Cập	Huy	27/11/1980	Tp. HCM	0417	
2	Nguyễn Văn	Huy	10/06/1999	Cần Thơ	0418	
3	Nguyễn Thị Cẩm	Huyền	02/03/1985	Tp. HCM	0419	
4	Huỳnh Thị Mỹ	Huyền	12/03/1998	TP. HCM	0420	
5	Lê Huỳnh Minh	Huyền	04/08/1999	TP. HCM	0421	
6	Lê Thị Bích	Huyền	10/03/1991	TP. HCM	0422	
7	Nguyễn Ngọc	Huyền	10/08/1997	Tp. HCM	0423	
8	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	04/10/2000	TP. HCM	0424	
9	Phạm Ngọc Thanh	Huyền	18/04/1985	Tp. HCM	0425	
10	Phạm Thị	Huyền	23/06/1999	TP. HCM	0426	
11	Trần Huỳnh Ngọc	Huyền	03/02/1999	TP. HCM	0427	
12	Trần Nguyễn Thanh	Huyền	24/05/1996	Quảng Ngãi	0428	
13	Trần Thị Thu	Huyền	10/11/1999	TP. HCM	0429	
14	Trần Thị Thu	Huyền	04/08/1991	Đồng Nai	0430	
15	Võ Thị	Huyền	05/08/1997	TP. HCM	0431	

SU
NG
S
JOC
NAM

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
16	Lê Trúc	Huỳnh	12/12/1997	Tp. HCM	0432	
17	Nguyễn Thúy	Huỳnh	20/03/1998	Cần Thơ	0433	
18	Phan Đức	Huỳnh	20/01/2000	Đà Nẵng	0434	
19	Lê Kinh	Kha	15/01/1997	Bình Định	0435	
20	Ngô Quang	Khải	19/03/2000	TP. HCM	0436	
21	Trần Định	Khải	08/01/1997	Bình Định	0437	
22	Trần Thanh	Khải	01/12/1989	Kiên Giang	0438	
23	Hồ Trần Dương	Khang	27/12/1999	Long An	0439	
24	Hoàng Phúc	Khang	25/10/1986	TP. HCM	0440	
25	Lương Hoàng	Khang	16/05/1995	Cần Thơ	0441	
26	Thái Thúc Trần	Khang	07/07/1995	TP. HCM	0442	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 18 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 3.1 - Từ SBD 0443 đến 0468)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Huỳnh Công	Khanh	28/07/1995	TP. HCM	0443	
2	Đỗ Quốc	Khánh	14/09/1999	Đồng Nai	0444	
3	Nguyễn Duy	Khánh	25/12/1989	Đồng Nai	0445	
4	Nguyễn Hoàng Diệu	Khánh	19/03/1987	TP. HCM	0446	
5	Nguyễn Lê Ngọc	Khánh	28/10/2000	TP. HCM	0447	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
6	Nguyễn Mỹ	Khánh	06/09/1994	TP. HCM	0448	
7	Nguyễn Nam	Khánh	03/05/1994	TP. HCM	0449	
8	Trần Bảo	Khánh	19/07/1988	Tp. HCM	0450	
9	Trần Hùng Duy	Khánh	19/12/1997	Cà Mau	0451	
10	Lâm Chinh	Khâu	06/11/1985	Tp. HCM	0452	
11	Ma Khắc	Khiêm	09/05/1990	Tp. HCM	0453	
12	Triệu Trọng	Khiêm	22/12/1999	Đồng Tháp	0454	
13	Đỗ Phương	Khoa	23/03/1999	TP. HCM	0455	
14	Lê Nguyễn Bảo	Khoa	16/06/1977	Tp. HCM	0456	
15	Nguyễn Đăng	Khoa	04/10/1999	TP. HCM	0457	
16	Nguyễn Đình	Khoa	21/08/1999	TP. HCM	0458	
17	Nguyễn Thanh Đăng	Khoa	21/10/1997	TP. Hà Nội	0459	
18	Nguyễn Việt	Khoa	14/02/1991	Tp. HCM	0460	
19	Nguyễn Vũ Minh	Khoa	23/11/1993	TP. HCM	0461	
20	Phan Thanh Vũ	Khoa	14/03/1985	Đồng Nai	0462	
21	Tô Đăng	Khoa	12/04/1975	Bình Phước	0463	
22	Trần Đăng	Khoa	25/12/1983	TP. HCM	0464	
23	Trần Tấn	Khoa	12/07/1994	Tp. HCM	0465	
24	Trần Trương Đăng	Khoa	06/12/1987	Cần Thơ	0466	
25	Hồng Nguyễn Đình	Khôi	11/06/1988	Tp. HCM	0467	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
26	Vũ Minh	Khôi	06/09/1999	BR-VT	0468	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 19 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 3.3 - Từ SBD 0469 đến 0494)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Quách Thụy Anh	Khuê	18/12/1997	TP. HCM	0469	
2	Trần Nguyễn Băng	Khuê	02/02/1996	TP. HCM	0470	
3	Trần Gia	Khuông	24/08/1999	TP. HCM	0471	
4	Trịnh Thị Bích	Khuyên	19/01/1988	TP. HCM	0472	
5	Lê	Kiên	16/06/1998	Gia Lai	0473	
6	Đặng Nhân	Kiệt	19/08/1995	TP. HCM	0474	
7	Nguyễn Tuấn	Kiệt	29/07/1999	TP. HCM	0475	
8	Đoàn Thị Diễm	Kiều	14/10/1973	Đà Nẵng	0476	
9	Khuông Kim Thúy	Kiều	17/04/1997	Cà Mau	0477	
10	Phạm Thị Thúy	Kiều	19/07/1987	Khánh Hòa	0478	
11	Trần Thị Ninh	Kiều	02/06/1983	Đồng Nai	0479	
12	Võ Thị	Kiều	26/11/1996	TP. HCM	0480	
13	Nguyễn Thị	Kim	01/09/1995	TP. Huế	0481	
14	Phùng Thị	Lài	28/10/1998	Tp. HCM	0482	
15	Trần Thị	Lài	01/08/1988	Tp. HCM	0483	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
16	Đoàn Thị Kim	Lâm	24/10/1992	TP. HCM	0484	
17	Nguyễn Hoàng	Lâm	16/05/1999	TP. HCM	0485	
18	Nguyễn Kim	Lâm	29/01/1985	TP. HCM	0486	
19	Trần Xuân	Lâm	08/07/1992	TP. HCM	0487	
20	Vũ Văn	Lâm	17/06/1986	TP. HCM	0488	
21	Hà Thị Tuyết	Lan	28/12/1977	TP. HCM	0489	
22	Phạm Ngọc	Lan	08/10/1987	Kiên Giang	0490	
23	Vũ Thị	Lan	17/08/1996	Tp. HCM	0491	
24	Lê Thị	Lệ	25/03/1990	TP. HCM	0492	
25	Nguyễn Thị	Lệ	25/10/1996	TP. HCM	0493	
26	Vũ Văn	Lịch	02/12/1979	TP. HCM	0494	



Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 20 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 3.3 - Từ SBD 0495 đến 0520)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Hoàng Ngọc	Liên	27/03/1982	Bạc Liêu	0495	
2	Cao Nguyễn Bảo	Liên	18/11/2000	TP. HCM	0496	
3	Lương Thị	Liên	05/05/1990	TP. HCM	0497	
4	Nguyễn Thị	Liên	06/10/1994	Tp. HCM	0498	
5	Trần Thị Bích	Liên	25/10/1990	Bình Dương	0499	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
6	Bùi Thị Thùy	Linh	18/02/1996	Tp. HCM	0500	
7	Đoàn Hoàng	Linh	04/12/1984	Đà Nẵng	0501	
8	Đoàn Thị Khánh	Linh	20/09/1997	TP. HCM	0502	
9	Hoàng Thị	Linh	19/05/1995	Tp. HCM	0503	
10	Lê Hồng Thảo	Linh	27/05/1995	Khánh Hòa	0504	
11	Nguyễn Ánh	Linh	14/09/1998	TP. HCM	0505	
12	Nguyễn Đào Khánh	Linh	01/01/1999	TP. HCM	0506	
13	Nguyễn Ngọc	Linh	15/04/1988	Tp. HCM	0507	
14	Nguyễn Thị Kiều	Linh	10/09/1996	TP. HCM	0508	
15	Nguyễn Thị Phương	Linh	16/01/1994	Quảng Trị	0509	
16	Nguyễn Thị Thùy	Linh	21/10/1996	Đà Nẵng	0510	
17	Nguyễn Thùy	Linh	06/03/2000	TP. HCM	0511	
18	Nguyễn Quốc	Linh	26/11/1985	TP. HCM	0512	
19	Đỗ Thị Hoài	Loan	09/12/1992	Tp. HCM	0513	
20	Dương Thị Thu	Loan	16/10/1977	Tp. HCM	0514	
21	Hồ Ngọc Thảo	Loan	13/06/1990	TP. HCM	0515	
22	Lê Thị Bích	Loan	26/09/1999	TP. HCM	0516	
23	Lê Thị Li	Loan	22/09/1999	Đà Nẵng	0517	
24	Nguyễn Thị Ngọc	Loan	20/11/1999	TP. HCM	0518	
25	Nguyễn Thị Tuyết	Loan	10/08/1991	TP. HCM	0519	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
26	Trần Kim	Loan	08/01/1993	TP. HCM	0520	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 21 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 4.2 - Từ SBD 0521 đến 0546)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Trần Thiện Như	Loan	06/11/1978	TP. HCM	0521	
2	Đặng Ngọc	Lộc	15/07/1992	Sóc Trăng	0522	
3	Đoàn Nguyễn Nguyên	Lộc	29/01/1997	Long An	0523	
4	Ngô Đăng	Lộc	03/06/1998	TP. HCM	0524	
5	Nguyễn Ngọc Vĩnh	Lộc	28/01/1990	TP. HCM	0525	
6	Nguyễn Tấn	Lộc	19/11/1997	Cần Thơ	0526	
7	Nguyễn Thị Phước	Lộc	28/09/1986	TP. HCM	0527	
8	Phạm Xuân	Lộc	25/04/1983	TP. HCM	0528	
9	Tô Vĩnh	Lộc	01/02/1978	Hà Tĩnh	0529	
10	Bùi Thắng	Lợi	22/05/1993	TP. HCM	0530	
11	Cao Xuân	Lợi	19/02/1990	Tây Ninh	0531	
12	Nguyễn Kim	Lợi	14/03/1995	TP. HCM	0532	
13	Trần Xuân	Lợi	30/11/1984	Tp. HCM	0533	
14	Bùi Văn	Long	20/07/1997	Tp. HCM	0534	
15	Cang Nguyễn Ái	Long	10/03/1995	Tp. HCM	0535	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
16	Lâm Thanh	Long	22/10/1979	Cà Mau	0536	
17	Nguyễn Đình Khánh	Long	31/07/1988	Bình Dương	0537	
18	Nguyễn Hoàng	Long	03/02/1997	Nghệ An	0538	
19	Nguyễn Ngọc	Long	18/03/1992	Tp. HCM	0539	
20	Nguyễn Phi	Long	22/11/1997	Tp. HCM	0540	
21	Nguyễn Văn	Long	12/04/1991	Tp. HCM	0541	
22	Trần Tuấn	Long	12/11/1973	Tp. HCM	0542	
23	Từ Ngọc	Long	01/01/2000	TP. Huế	0543	
24	Vũ Hoàng	Long	07/06/1984	Tp. HCM	0544	
25	Võ Phi	Lốt	19/09/1993	TP. HCM	0545	
26	Nguyễn Đình	Luân	24/10/1998	TP. HCM	0546	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 22 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 4.4 - Từ SBD 0547 đến 0572)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Trường	Luân	18/07/1995	Tp. HCM	0547	
2	Tô Minh	Luân	13/11/1999	Vĩnh Long	0548	
3	Nguyễn Văn	Luận	21/08/1998	TP. HCM	0549	
4	Văn Phước	Luận	23/09/1988	Tây Ninh	0550	
5	Văn Tiến	Lực	01/04/1986	Quảng Trị	0551	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
6	Nguyễn Thị	Lương	26/03/1997	TP. HCM	0552	
7	Trần Võ Hiền	Lương	15/02/1995	Tp. HCM	0553	
8	Hoàng Hương	Ly	10/11/1998	Tp. HCM	0554	
9	Nguyễn Ngọc	Ly	12/04/1998	TP. HCM	0555	
10	Nguyễn Phan Gia	Ly	01/11/1993	Quảng Ngãi	0556	
11	Nguyễn Thị	Lý	10/06/1984	BR-VT	0557	
12	Bùi Thị	Mai	22/05/1999	TP. HCM	0558	
13	Đặng Thị Xuân	Mai	22/12/1994	Bình Phước	0559	
14	Huỳnh Đặng Hoàng	Mai	17/10/1989	TP. Hà Nội	0560	
15	Huỳnh Thị Trúc	Mai	07/01/1997	TP. HCM	0561	
16	Lê Huỳnh	Mai	15/11/2000	Cà Mau	0562	
17	Lê Thị	Mai	15/03/1989	Tp. HCM	0563	
18	Lê Thị Quỳnh	Mai	09/11/1996	Đắk Lắk	0564	
19	Lê Thị Sao	Mai	24/12/1994	TP. HCM	0565	
20	Lê Thị Thanh	Mai	17/05/1998	TP. HCM	0566	
21	Nguyễn Thị Bạch	Mai	30/04/1995	Tiền Giang	0567	
22	Phạm Lê Thanh	Mai	07/09/1999	TP. HCM	0568	
23	Thạch Thị Huỳnh	Mai	11/11/1991	Long An	0569	
24	Trương Ngọc	Mai	23/09/1991	TP. HCM	0570	
25	Trần Thanh	Mãi	20/01/1988	Đắk Nông	0571	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
26	Bùi Thị	Mẫn	06/01/1985	Tp. HCM	0572	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 23 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 4.6 - Từ SBD 0573 đến 0598)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Chu Huệ	Mẫn	17/08/1999	TP. HCM	0573	
2	Phan Minh	Mẫn	19/11/1961	Tây Ninh	0574	
3	Đình Thanh	Mạnh	04/06/1978	Tp. HCM	0575	
4	Nguyễn Tất	Mạnh	11/10/1978	Lâm Đồng	0576	
5	Lý Thị	Mão	08/11/1998	Bình Dương	0577	
6	Cao Hoàng	Minh	26/05/1991	TP. HCM	0578	
7	Đào Bá Hà	Minh	14/01/1983	Tp. HCM	0579	
8	Đình Ngọc	Minh	21/03/1987	Quảng Nam	0580	
9	Nguyễn Đình	Minh	09/08/1992	Khánh Hòa	0581	
10	Nguyễn Đoàn	Minh	09/04/1973	TP. HCM	0582	
11	Nguyễn Thanh	Minh	06/08/1993	Đồng Nai	0583	
12	Nguyễn Thị Diệu	Minh	17/06/1989	TP. Huế	0584	
13	Nguyễn Triệu	Minh	11/10/2000	TP. HCM	0585	
14	Ôn Tuệ	Minh	06/10/1998	TP. HCM	0586	
15	Phạm Ngọc	Minh	21/12/1986	TP. HCM	0587	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
16	Phạm Nhật	Minh	14/11/1998	Tp. HCM	0588	
17	Phan Quang	Minh	23/10/1996	Tp. HCM	0589	
18	Phan Tấn	Minh	26/01/1978	Tp. HCM	0590	
19	Trần Bình	Minh	10/08/1999	TP. HCM	0591	
20	Trần Hoàng	Minh	20/11/1991	Cần Thơ	0592	
21	Trần Lê	Minh	20/04/1998	Đồng Nai	0593	
22	Trần Nghĩa Quang	Minh	02/02/1985	Đồng Nai	0594	
23	Trần Quang	Minh	02/11/1977	TP. HCM	0595	
24	Cao Xuân	Mùi	15/09/1979	TP. HCM	0596	
25	Trương Ngọc	Mùng	03/09/1991	Tp. HCM	0597	
26	Nguyễn Đình	Mười	20/01/1988	Tp. HCM	0598	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 24 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 4.1 - Từ SBD 0599 đến 0624)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Lê Văn	Muôn	06/04/1994	TP. HCM	0599	
2	Nguyễn Thị Diễm	My	17/11/1999	Tp. HCM	0600	
3	Nguyễn Thị Huyền	My	21/11/1996	TP. HCM	0601	
4	Nguyễn Thị Kiều	My	18/09/1993	Hậu Giang	0602	
5	Nguyễn Thị Thảo	My	20/01/1991	TP. HCM	0603	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
6	Nguyễn Thị Trà	My	03/12/1999	TP. HCM	0604	
7	Nguyễn Trà	My	04/03/1994	TP. HCM	0605	
8	Nguyễn Trà	My	09/03/1999	TP. HCM	0606	
9	Nguyễn Vương Thụy	My	09/08/1991	Tp. HCM	0607	
10	Phạm Thị Trà	My	05/08/1999	TP. HCM	0608	
11	Phan Thị Kiều	My	01/01/1998	TP. HCM	0609	
12	Tiêu Hồng Tú	My	19/09/1997	TP. HCM	0610	
13	Trần Hoàng	My	16/03/1995	Tp. HCM	0611	
14	Trần Thị Diệu	My	17/02/1999	TP. HCM	0612	
15	Trương Huyền	My	05/06/1994	Cà Mau	0613	
16	Nguyễn Văn	Mỹ	18/09/1995	An Giang	0614	
17	Trần Thị Thanh	Mỹ	06/07/1984	TP. HCM	0615	
18	Sokh Syl	Myl	19/06/1998	TP. HCM	0616	
19	Đoàn Văn	Nam	02/05/1971	TP. HCM	0617	
20	Hoàng Đức	Nam	20/09/1982	TP. HCM	0618	
21	Lê Hoàng	Nam	03/06/1993	TP. HCM	0619	
22	Nguyễn Huy Nhật	Nam	23/03/1996	TP. HCM	0620	
23	Nguyễn Huỳnh	Nam	18/06/1995	TP. HCM	0621	
24	Sơn Hải	Nam	23/01/1996	Kiên Giang	0622	
25	Trần Phương	Nam	21/10/1999	TP. HCM	0623	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
26	Đoàn Thị Kiều	Nga	12/03/1999	TP. HCM	0624	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 25 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 4.1 - Từ SBD 0625 đến 0651)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thị	Nga	11/08/1996	TP. HCM	0625	
2	Phạm Thị	Nga	29/09/1990	TP. HCM	0626	
3	Phạm Thị Yến	Nga	27/03/1998	Đồng Nai	0627	
4	Lê Trần Minh	Ngân	21/11/1997	Tp. HCM	0628	
5	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	16/02/1997	TP. HCM	0629	
6	Nguyễn Ngọc Phương	Ngân	31/01/1994	Tp. HCM	0630	
7	Nguyễn Thái Phương	Ngân	21/07/1998	TP. HCM	0631	
8	Nguyễn Thanh	Ngân	02/02/1998	TP. HCM	0632	
9	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân	19/10/1998	TP. HCM	0633	
10	Phan Thị	Ngân	06/11/1995	Tp. HCM	0634	
11	Phan Vĩnh	Ngân	01/08/1987	Kiên Giang	0635	
12	Trần Bảo	Ngân	27/04/1998	TP. HCM	0636	
13	Trịnh Thị Kim	Ngân	05/05/1999	Đồng Nai	0637	
14	Trương Thủy	Ngân	27/01/1985	Cần Thơ	0638	
15	Mã Xuân	Nghi	26/03/1995	Tp. HCM	0639	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
16	Nguyễn Hiếu	Nghĩa	19/07/1986	Tp. HCM	0640	
17	Nguyễn Thị	Nghĩa	21/12/1998	Đà Nẵng	0641	
18	Phan Trọng	Nghĩa	26/02/1989	Tp. HCM	0642	
19	Đặng Trương Hoài	Nghiệp	01/06/1995	TP. HCM	0643	
20	Lương Văn	Nghiệp	30/11/1984	Đà Nẵng	0644	
21	Nguyễn Đình	Nghiệp	27/05/1971	TP. HCM	0645	
22	Bùi Thị Bích	Ngọc	24/01/1997	TP. HCM	0646	
23	Hồ Lê Hoàng	Ngọc	17/08/1997	Đà Nẵng	0647	
24	Hồ Văn	Ngọc	30/03/1996	TP. HCM	0648	
25	Lê Phùng Bảo	Ngọc	09/05/1997	Tp. HCM	0649	
26	Nguyễn Bảo	Ngọc	02/05/1998	TP. HCM	0650	
27	Nguyễn Lê Kim	Ngọc	03/09/1999	TP. HCM	0651	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 26 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 4.3 - Từ SBD 0652 đến 0678)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Phạm Mỹ	Ngọc	21/06/2000	TP. HCM	0652	
2	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	10/07/1994	TP. HCM	0653	
3	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	04/12/1994	Kiên Giang	0654	
4	Nguyễn Thị Huyền	Ngọc	21/06/1981	Tây Ninh	0655	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
5	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	14/01/1995	Bạc Liêu	0656	
6	Phan Gia Bảo	Ngọc	23/08/1996	TP. HCM	0657	
7	Trần Thị Ánh	Ngọc	20/05/1997	TP. HCM	0658	
8	Trần Thị Như	Ngọc	22/06/1997	Tây Ninh	0659	
9	Trần Thụy Bích	Ngọc	02/04/1977	TP. HCM	0660	
10	Trương Thị Bích	Ngọc	05/09/1996	Đà Nẵng	0661	
11	Võ Thị Diệu	Ngọc	18/01/1997	Tp. HCM	0662	
12	Lê Văn	Ngọc	04/06/1985	Đà Nẵng	0663	
13	Đặng Văn	Ngư	22/05/1979	Đắk Nông	0664	
14	Hoàng Thị	Nguyên	14/06/1993	Tp. HCM	0665	
15	Lê Công	Nguyên	27/11/1993	Gia Lai	0666	
16	Lê Khôi	Nguyên	16/01/1995	Tp. HCM	0667	
17	Lý Hồng	Nguyên	17/06/1985	Tp. HCM	0668	
18	Ngô Mai Xuân	Nguyên	11/02/1994	TP. HCM	0669	
19	Nguyễn Thị Phương	Nguyên	13/02/1995	Đồng Nai	0670	
20	Nguyễn Trọng	Nguyễn	12/12/1998	Cần Thơ	0671	
21	Trần Chí	Nguyễn	04/11/1994	Cần Thơ	0672	
22	Bùi Thị	Nguyệt	12/08/1997	Kon Tum	0673	
23	Huỳnh Thanh	Nguyệt	15/09/1991	Tp. HCM	0674	
24	Trần Minh	Nguyệt	13/05/1986	Tp. HCM	0675	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
25	Trần Thị Minh	Nguyệt	09/11/1997	Tp. HCM	0676	
26	Võ Thị Hồng	Nguyệt	24/10/1996	Tp. HCM	0677	
27	Từ Thị Hằng	Nha	10/11/1990	Đắk Lắk	0678	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 27 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 4.3 - Từ SBD 0679 đến 0705)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Huỳnh Thị Thanh	Nhàn	06/11/1996	Tp. HCM	0679	
2	Diệp Tự	Nhân	18/04/1987	Gia Lai	0680	
3	Nguyễn Phan Dũng	Nhân	31/08/1994	TP. HCM	0681	
4	Nguyễn Thị Yên	Nhân	12/11/1996	TP. HCM	0682	
5	Lê Văn	Nhanh	02/09/1966	Long An	0683	
6	Phạm Thị Ngọc	Nhất	07/07/1995	Khánh Hòa	0684	
7	Trương Phương	Nhất	19/07/1994	Đà Nẵng	0685	
8	Nguyễn Tân	Nhật	10/02/1997	TP. HCM	0686	
9	Phạm Quang	Nhật	28/08/1994	Hậu Giang	0687	
10	Quế Tiến	Nhật	08/04/1992	TP. HCM	0688	
11	Đặng Yên	Nhi	17/08/1999	TP. HCM	0689	
12	Hạ Uyển	Nhi	01/06/1997	Tp. HCM	0690	
13	Hoàng Lê Hạnh	Nhi	07/05/1999	TP. HCM	0691	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
14	Lê Kiều	Nhi	28/02/1997	Đắk Lắk	0692	
15	Lê Thị	Nhi	05/02/1998	Đà Nẵng	0693	
16	Nguyễn Tạ Thùy	Nhi	07/01/1991	Tp. HCM	0694	
17	Nguyễn Yến	Nhi	28/08/1997	TP. HCM	0695	
18	Trần Thị Yến	Nhi	24/03/1997	Tây Ninh	0696	
19	Văn Thị Yến	Nhi	21/01/1998	TP. HCM	0697	
20	Nguyễn Hồng	Nhi	01/01/1998	Đồng Nai	0698	
21	Nguyễn Thị	Nhiều	21/01/1990	Cần Thơ	0699	
22	Đỗ Thị	Nhiều	15/03/1981	Tp. HCM	0700	
23	Trần Văn	Nhu	03/10/1992	TP. HCM	0701	
24	Đặng Huỳnh	Nhu	15/01/1996	Trà Vinh	0702	
25	Dương Hải	Nhu	27/09/1998	TP. HCM	0703	
26	Lê Thùy	Nhu	06/10/1980	Tp. HCM	0704	
27	Nguyễn Hồng Tố	Nhu	06/05/1988	TP. HCM	0705	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 28 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 2.2 - Từ SBD 0706 đến 0732)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thảo	Nhu	28/07/1999	TP. HCM	0706	
2	Phạm Ngọc Huỳnh	Nhu	17/12/1999	Cần Thơ	0707	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
3	Phạm Thị Huỳnh	Như	21/02/1999	TP. HCM	0708	
4	Vũ Thùy Khánh	Như	02/07/1998	TP. HCM	0709	
5	Đình Thị	Nhung	13/05/1999	Tp. HCM	0710	
6	Hồ Thị	Nhung	25/07/1993	TP. HCM	0711	
7	Hồ Thị Cẩm	Nhung	16/10/1996	Tp. HCM	0712	
8	Lê Thị Hồng	Nhung	27/01/1995	Tp. HCM	0713	
9	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/05/1995	TP. HCM	0714	
10	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	22/12/1986	Cần Thơ	0715	
11	Trần Trang	Nhung	12/12/1989	TP. HCM	0716	
12	Dương Văn	Nhuộng	02/09/1985	Đắk Nông	0717	
13	Nguyễn Đào Duy	Nhựt	03/02/1995	TP. HCM	0718	
14	Đào Thị	Nhuyên	28/09/1983	TP. HCM	0719	
15	La Thị	Ni	04/11/1995	Tp. HCM	0720	
16	Phạm Thị Hoa	Niên	03/04/2000	TP. HCM	0721	
17	Đặng Văn	Ninh	16/08/1984	Tp. HCM	0722	
18	Võ Thị	Nữ	19/10/1990	Kiên Giang	0723	
19	Đoàn Thị Thu	Ny	04/01/1999	TP. HCM	0724	
20	Đình Thị Kim	Oanh	05/12/1996	TP. HCM	0725	
21	Đỗ Hoàng	Oanh	02/03/1984	Bình Dương	0726	
22	Dương Thị Kim	Oanh	05/02/2000	Đồng Nai	0727	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
23	Lê Thị Tường	Oanh	19/04/1999	TP. HCM	0728	
24	Nguyễn Thị	Oanh	18/08/1997	TP. HCM	0729	
25	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	01/08/1992	Bình Thuận	0730	
26	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	13/05/1997	Tp. HCM	0731	
27	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	08/07/1965	Cần Thơ	0732	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 29 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 2.4 - Từ SBD 0733 đến 0759)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Trần Thị Kim	Oanh	09/04/1974	Tp. HCM	0733	
2	Huỳnh Ngọc	Pháp	12/12/1997	TP. HCM	0734	
3	Huỳnh Tấn	Pháp	28/04/1997	Quảng Ngãi	0735	
4	Đoàn Văn	Phát	01/12/1988	Tp. HCM	0736	
5	Huỳnh Tấn	Phát	12/12/1990	TP. HCM	0737	
6	Huỳnh Tấn	Phát	16/05/1991	TP. HCM	0738	
7	Trần Trọng	Phi	09/02/1996	Cần Thơ	0739	
8	Bùi Thanh	Phong	07/02/1976	Tp. HCM	0740	
9	Hồ Văn	Phong	20/11/1964	Tp. HCM	0741	
10	Kim Điền	Phong	15/07/1993	Hậu Giang	0742	
11	Lê Thành	Phong	12/03/1991	Tp. HCM	0743	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
12	Trần Minh	Phong	13/07/1992	Long An	0744	
13	Trần Thuận	Phong	14/01/1982	TP. HCM	0745	
14	Trịnh Di	Phong	21/11/1993	TP. HCM	0746	
15	Trương Ứng	Phong	12/12/1996	Tp. HCM	0747	
16	Bùi Bá	Phú	25/08/1989	TP. HCM	0748	
17	Phan Long	Phú	23/09/1995	TP. HCM	0749	
18	Dương Thị Thanh	Phúc	24/06/1988	TP. HCM	0750	
19	Lê Đặng Thiên	Phúc	21/01/1995	TP. HCM	0751	
20	Lê Văn	Phúc	25/04/1982	Tp. HCM	0752	
21	Nguyễn Hữu	Phúc	09/03/1992	TP. HCM	0753	
22	Nguyễn Thành	Phúc	06/01/1998	TP. HCM	0754	
23	Trần Thị Hồng	Phúc	11/08/1997	TP. HCM	0755	
24	Đặng Thị	Phụng	05/02/1979	Tp. HCM	0756	
25	Lý Hồng	Phước	14/07/1967	Cần Thơ	0757	
26	Nguyễn Thanh	Phước	29/01/1997	TP. HCM	0758	
27	Văn Hữu	Phước	03/07/1982	Tp. HCM	0759	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 30 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 2.6 - Từ SBD 0760 đến 0786)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
-----	----	-----	-----------	---------	-------------	---------

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
1	Bùi Thị Huệ	Phương	17/07/1996	TP. HCM	0760	
2	Châu Ngọc	Phương	04/09/1995	Quảng Nam	0761	
3	Đào Thị Thu	Phương	23/01/1999	Tp. HCM	0762	
4	Đinh Thị Mai	Phương	31/07/1984	TP. HCM	0763	
5	Đinh Trương Anh	Phương	26/11/1989	TP. HCM	0764	
6	Đỗ Thị	Phương	26/01/1991	TP. HCM	0765	
7	Đỗ Thị Vân	Phương	01/01/1982	Đà Nẵng	0766	
8	Hoàng Bích	Phương	10/12/1997	TP. HCM	0767	
9	Huỳnh Hoàng	Phương	21/01/1985	Cà Mau	0768	
10	Huỳnh Thanh	Phương	01/01/1974	Vĩnh Long	0769	
11	Khổng Liên	Phương	08/01/1983	Cần Thơ	0770	
12	Lâm Ngọc Cát	Phương	30/10/1996	TP. HCM	0771	
13	Lê Anh	Phương	10/03/1995	Tây Ninh	0772	
14	Lê Đình Quốc	Phương	01/08/1980	Quảng Ngãi	0773	
15	Lê Đoàn Thu	Phương	02/02/1998	TP. Huế	0774	
16	Lê Thị	Phương	23/03/1994	Tp. HCM	0775	
17	Lê Thị Ánh	Phương	22/05/1999	Cần Thơ	0776	
18	Lê Thị Lâm	Phương	12/12/1999	Quảng Trị	0777	
19	Lê Thị Thu	Phương	14/04/2000	Đà Nẵng	0778	
20	Nguyễn Hoàng	Phương	02/04/1999	Hậu Giang	0779	

11/05/2019

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
21	Nguyễn Hồng	Phương	23/12/1998	Tp. HCM	0780	
22	Nguyễn Lê Lan	Phương	08/09/1999	Bình Phước	0781	
23	Nguyễn Ngọc Trúc	Phương	30/01/1995	Cần Thơ	0782	
24	Nguyễn Thị Hà	Phương	31/10/1997	TP. HCM	0783	
25	Nguyễn Thị Hồng	Phương	22/07/1979	Tp. HCM	0784	
26	Nguyễn Thị Thu	Phương	25/04/1998	Đà Nẵng	0785	
27	Nguyễn Thị Thu	Phương	29/10/1999	TP. HCM	0786	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 31 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 2.1 - Từ SBD 0787 đến 0813)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thoại Yên	Phương	11/09/1996	Tp. HCM	0787	
2	Nguyễn Uyên Minh	Phương	29/01/1976	Tp. HCM	0788	
3	Phạm Huỳnh Hoài	Phương	04/09/1984	Kiên Giang	0789	
4	Phạm Thị Thu	Phương	02/05/1999	TP. HCM	0790	
5	Phan Thị Lan	Phương	03/08/1999	TP. HCM	0791	
6	Trần Nguyễn Thị Hoài	Phương	25/12/1997	TP. HCM	0792	
7	Trần Thanh	Phương	20/03/1973	Tp. HCM	0793	
8	Trịnh Thu	Phương	24/11/1999	TP. Hà Nội	0794	
9	Lưu Thị Cẩm	Phượng	12/03/1996	Bình Phước	0795	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
10	Nguyễn Thị	Phượng	03/01/1995	Bình Dương	0796	
11	Nguyễn Anh	Quân	10/09/1999	TP. HCM	0797	
12	Nguyễn Hồng	Quân	06/06/1994	TP. HCM	0798	
13	Nguyễn Trung	Quân	12/12/1999	TP. HCM	0799	
14	Trần Đức	Quân	01/01/1975	Tp. HCM	0800	
15	Võ Hoàng	Quân	30/06/1991	Phú Yên	0801	
16	Bùi Xuân	Quang	14/11/1989	Tp. HCM	0802	
17	Đình Hoàng Phú	Quang	16/09/1983	Tp. HCM	0803	
18	Hoàng Trí	Quang	30/11/1989	TP. Huế	0804	
19	Lê Minh	Quang	22/01/1983	Vĩnh Long	0805	
20	Mã Thị Vinh	Quang	03/02/1970	TP. HCM	0806	
21	Nguyễn Nhật	Quang	05/06/1997	Tp. HCM	0807	
22	Phan Xuân	Quý	30/10/1985	Tp. HCM	0808	
23	Trần Thị Huỳnh	Quý	29/08/1978	Tp. HCM	0809	
24	Nguyễn Vĩnh	Quốc	14/02/1975	TP. HCM	0810	
25	Trần Hữu	Quốc	10/11/1980	Tp. HCM	0811	
26	Văn Đình	Quốc	22/04/1993	Tp. HCM	0812	
27	Võ Thụy Tam	Quy	08/11/1976	TP. HCM	0813	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
-----	----	-----	-----------	---------	-------------	----------

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 32 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 2.1 - Từ SBD 0814 đến 0840)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hồng	Quý	14/08/1989	Đà Nẵng	0814	
2	Nguyễn Thị Xuân	Quý	10/09/1986	TP. HCM	0815	
3	Đình Thị	Quyên	23/10/1995	Tp. HCM	0816	
4	Nguyễn Ngọc Tú	Quyên	16/05/1999	Tp. HCM	0817	
5	Nguyễn Thị Tú	Quyên	01/01/1993	Cần Thơ	0818	
6	Nguyễn Thị	Quyên	09/09/1996	TP. HCM	0819	
7	Lê Hữu	Quyên	07/08/1997	TP. HCM	0820	
8	Nguyễn Trọng	Quyên	11/04/1983	Bến Tre	0821	
9	Bùi Văn	Quyết	09/06/1997	TP. HCM	0822	
10	Lê Văn	Quyết	05/05/1984	TP. HCM	0823	
11	Bùi Như	Quỳnh	28/08/1998	TP. Hà Nội	0824	
12	Đình Thị Ngân	Quỳnh	09/06/1995	TP. HCM	0825	
13	Huỳnh Thị Như	Quỳnh	13/10/1994	TP. HCM	0826	
14	Lê Như	Quỳnh	13/05/1997	TP. HCM	0827	
15	Lê Thị Như	Quỳnh	19/02/1999	TP. HCM	0828	
16	Lê Thị Tú	Quỳnh	15/08/1999	TP. HCM	0829	
17	Mã Ái	Quỳnh	05/08/1996	TP. HCM	0830	
18	Nguyễn Phương	Quỳnh	18/02/1998	Bình Dương	0831	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
19	Nguyễn Thị	Quỳnh	04/10/1999	TP. HCM	0832	
20	Nguyễn Thúy	Quỳnh	31/03/1997	TP. HCM	0833	
21	Phạm Thị Như	Quỳnh	05/03/1997	Đà Nẵng	0834	
22	Phan Vũ Diễm	Quỳnh	18/06/1996	TP. HCM	0835	
23	Trần Thị Như	Quỳnh	05/05/1999	TP. HCM	0836	
24	Kim Sa	Rinh	15/02/1990	TP. HCM	0837	
25	Tiền Lâm Vĩnh	San	20/01/1985	Bạc Liêu	0838	
26	Đỗ Thanh	Sang	23/12/1982	TP. HCM	0839	
27	Huỳnh Thị Hồng	Sang	03/12/1991	Tp. HCM	0840	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 33 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 2.3 - Từ SBD 0841 đến 0867)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Huỳnh Văn	Sang	26/01/1995	Tp. HCM	0841	
2	Nguyễn Đình Quốc	Sang	05/11/1995	Tp. HCM	0842	
3	Triệu Mùi	Sao	08/10/1996	TP. HCM	0843	
4	Nguyễn Thị	Sen	10/11/1983	Bình Phước	0844	
5	Phạm Tiến	Sĩ	28/08/1996	Cần Thơ	0845	
6	Bùi Thị	Sinh	28/08/1998	Tp. HCM	0846	
7	Phan Văn	Sinh	26/04/1998	TP. HCM	0847	



STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
8	Dương Thị Kim	Son	16/02/1999	TP. HCM	0848	
9	Lê Hồng	Son	13/10/1975	Tp. HCM	0849	
10	Nguyễn Danh	Son	18/03/1992	Tp. HCM	0850	
11	Nguyễn Hồng	Son	19/02/1997	Kon Tum	0851	
12	Nguyễn Thanh	Son	16/08/1983	TP. HCM	0852	
13	Nguyễn Văn	Son	29/04/1996	TP. HCM	0853	
14	Nguyễn Văn	Son	02/08/1998	Tp. HCM	0854	
15	Phan Lâm	Son	19/10/1990	Đắk Lắk	0855	
16	Thiệu Anh	Son	28/12/1997	TP. HCM	0856	
17	Trần Anh	Son	02/01/1996	Tp. HCM	0857	
18	Trần Hoàng	Son	10/08/1977	Đồng Tháp	0858	
19	Trần Thanh	Son	28/01/1959	Ninh Thuận	0859	
20	Lê Thị Nguyên	Sử	20/04/1990	Tp. HCM	0860	
21	Trịnh Văn	Sử	20/02/1986	Bình Phước	0861	
22	Nguyễn Thị Thu	Sương	16/05/1996	TP. HCM	0862	
23	Phan Thị	Sương	20/09/1997	TP. HCM	0863	
24	Đoàn Văn	Tài	27/07/1998	TP. HCM	0864	
25	Dương Lê	Tài	16/10/1987	TP. Hà Nội	0865	
26	Nguyễn Chánh	Tài	20/08/1988	Tp. HCM	0866	
27	Nguyễn Đắc	Tài	23/11/1976	TP. HCM	0867	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
-----	----	-----	-----------	---------	-------------	----------

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 34 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 2.3 - Từ SBD 0868 đến 0894)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Đình	Tài	10/12/1999	TP. HCM	0868	
2	Trần Đức	Tài	13/11/1997	Quảng Ngãi	0869	
3	Võ Thành	Tài	15/02/1994	Bình Phước	0870	
4	Triệu Phúc	Tam	06/10/1997	TP. HCM	0871	
5	Đặng Phước	Tâm	20/12/1989	Đồng Nai	0872	
6	Đỗ Huỳnh Thanh	Tâm	20/11/1987	TP. HCM	0873	
7	Đoàn Nguyễn Chí	Tâm	17/08/1979	Tp. HCM	0874	
8	Hồ Phương	Tâm	06/08/1985	Bình Phước	0875	
9	Huỳnh Ngọc Thanh	Tâm	22/03/1984	Tp. HCM	0876	
10	Lê Công Thành	Tâm	26/11/1992	Đắk Lắk	0877	
11	Nguyễn Đặng Phương	Tâm	18/04/1973	Bình Định	0878	
12	Nguyễn Thị Minh	Tâm	17/05/2000	TP. Huế	0879	
13	Nguyễn Thiện	Tâm	26/06/1999	Tp. HCM	0880	
14	Tô Võ Yến	Tâm	10/08/1999	TP. HCM	0881	
15	Trần Minh	Tâm	10/01/1989	Kiên Giang	0882	
16	Bùi Ngọc	Tân	10/08/1986	BR-VT	0883	
17	Huỳnh Duy	Tân	19/11/1983	Tp. HCM	0884	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
18	Lâm Ngọc	Tân	10/08/1992	Kiên Giang	0885	
19	Ngô Nhật	Tân	09/12/1995	TP. HCM	0886	
20	Phạm Minh	Tân	24/04/1992	TP. HCM	0887	
21	Trần Minh	Tân	01/01/1995	Vĩnh Long	0888	
22	Lê Văn	Tấn	24/04/1988	Vĩnh Long	0889	
23	Nguyễn Thanh	Tấn	20/04/1974	Đồng Nai	0890	
24	Hồ Ngọc	Thạch	08/02/1980	Tp. HCM	0891	
25	Nguyễn Ngọc	Thạch	04/11/1979	Cần Thơ	0892	
26	Nguyễn Thế	Thạch	10/02/1998	TP. HCM	0893	
27	Trần Quốc	Thái	20/01/1995	TP. HCM	0894	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 35 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 3.2 - Từ SBD 0895 đến 0921)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Trần Văn	Thái	16/08/1990	TP. HCM	0895	
2	Nguyễn Văn	Thắm	05/11/1959	Long An	0896	
3	Nguyễn Lương	Thắng	22/12/1975	Tp. HCM	0897	
4	Nguyễn Ngọc	Thắng	14/02/1985	TP. HCM	0898	
5	Phạm Bình	Thắng	14/07/1989	TP. HCM	0899	
6	Quảng Đại	Thắng	10/05/1998	TP. HCM	0900	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
7	Trịnh Công	Thắng	14/02/2000	TP. HCM	0901	
8	Đỗ Thị Kim	Thanh	25/03/1992	Bình Phước	0902	
9	Hồ Ngọc	Thanh	01/07/1978	Cần Thơ	0903	
10	La Thị Phương	Thanh	20/05/1982	TP. HCM	0904	
11	Lê Duy	Thanh	07/06/1993	TP. HCM	0905	
12	Lê Thị Ngọc	Thanh	28/12/1999	TP. HCM	0906	
13	Nguyễn Hải	Thanh	04/07/1990	BR-VT	0907	
14	Nguyễn Nhật	Thanh	16/11/1983	BR-VT	0908	
15	Nguyễn Thị	Thanh	18/12/1966	Đồng Tháp	0909	
16	Nguyễn Tuyết	Thanh	22/05/1997	Đồng Nai	0910	
17	Phan Thị Xiêm	Thanh	08/03/1984	Tp. HCM	0911	
18	Trần Quốc	Thanh	12/10/2000	TP. HCM	0912	
19	Trần Thị	Thanh	23/09/1998	TP. HCM	0913	
20	Đình Đức	Thành	04/04/1990	Tp. HCM	0914	
21	Doãn Đức	Thành	18/06/1993	TP. HCM	0915	
22	Huỳnh Ngọc	Thành	24/06/1982	Quảng Ngãi	0916	
23	Lê Quang	Thành	03/11/1997	TP. HCM	0917	
24	Lê Tấn	Thành	27/09/1973	TP. HCM	0918	
25	Mai Tiến	Thành	26/05/1998	TP. HCM	0919	
26	Nguyễn Công Hải	Thành	05/02/1999	Quảng Bình	0920	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
27	Nguyễn Đức Nhật	Thành	28/10/1994	TP. HCM	0921	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 36 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 3.4 - Từ SBD 0922 đến 0948)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Huy	Thành	21/08/1999	TP. HCM	0922	
2	Nguyễn Kim Nhật	Thành	20/10/1988	Tp. HCM	0923	
3	Nguyễn Trung	Thành	23/07/1997	TP. HCM	0924	
4	Phạm Xuân	Thành	10/03/1998	Bình Dương	0925	
5	Trương Công	Thành	11/01/1998	TP. HCM	0926	
6	Trương Tất	Thành	09/07/1996	TP. HCM	0927	
7	Lê Hồng	Thao	03/01/1970	Đồng Nai	0928	
8	Đoàn Ngọc Phương	Thảo	01/12/1999	TP. HCM	0929	
9	Lâm Chí	Thảo	26/11/1980	Tp. HCM	0930	
10	Lê Thị Phương	Thảo	05/07/1984	Tp. HCM	0931	
11	Nguyễn Ngọc	Thảo	15/02/1998	TP. HCM	0932	
12	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	14/05/2000	Tây Ninh	0933	
13	Nguyễn Phạm Minh	Thảo	16/10/1998	TP. HCM	0934	
14	Nguyễn Phương	Thảo	05/04/1997	TP. HCM	0935	
15	Nguyễn Thạch	Thảo	25/02/2000	TP. HCM	0936	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
16	Nguyễn Thanh	Thảo	24/03/1994	Tp. HCM	0937	
17	Nguyễn Thị	Thảo	20/06/1997	TP. HCM	0938	
18	Nguyễn Thị Phương	Thảo	22/10/1994	Tp. HCM	0939	
19	Phan Thị Phương	Thảo	02/09/1992	TP. HCM	0940	
20	Phùng Nguyên	Thảo	30/04/1999	Khánh Hòa	0941	
21	Trần Huỳnh Thu	Thảo	03/10/2000	TP. HCM	0942	
22	Trần Minh	Thảo	16/05/1999	TP. HCM	0943	
23	Trần Minh	Thảo	19/09/1998	Tp. HCM	0944	
24	Trương Bích	Thảo	18/04/1995	TP. HCM	0945	
25	Trương Thị Mai	Thảo	06/06/1990	Cần Thơ	0946	
26	Văn Thị Phương	Thảo	30/09/1997	TP. HCM	0947	
27	Vũ Hoàng Mai	Thảo	16/04/1990	Tp. HCM	0948	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 37 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 3.6 - Từ SBD 0949 đến 0975)

3	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Vũ Lam	Thảo	03/12/1984	TP. HCM	0949	
2	Nguyễn Minh	Thật	09/06/1998	TP. HCM	0950	
3	Hà Sỹ	Thi	28/06/1992	Tp. HCM	0951	
4	Hồ Anh	Thi	15/11/1996	Tp. HCM	0952	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
5	Mai Thị Mai	Thi	22/07/1983	Tp. HCM	0953	
6	Nguyễn Anh	Thi	19/06/1979	TP. HCM	0954	
7	Nguyễn Minh Yên	Thi	12/12/1999	TP. HCM	0955	
8	Trần Thị Ngọc	Thi	26/01/1995	Bạc Liêu	0956	
9	Vi Văn	Thích	13/07/1997	Tp. HCM	0957	
10	Ngô Mạnh	Thiền	11/08/1997	Tp. HCM	0958	
11	Phạm Bá	Thiền	18/07/1996	Lâm Đồng	0959	
12	Huỳnh Thị Dương	Thiện	21/09/1992	TP. HCM	0960	
13	Ngô Đình	Thiện	28/02/1997	Tp. HCM	0961	
14	Nguyễn Đại	Thiện	09/10/1991	Đà Nẵng	0962	
15	Nguyễn Đức	Thiện	15/04/1999	TP. HCM	0963	
16	Nguyễn Minh	Thiện	03/11/1990	TP. HCM	0964	
17	Nguyễn Trần	Thiện	07/12/1981	TP. HCM	0965	
18	Tạ Thị	Thiện	15/10/1998	TP. HCM	0966	
19	Trần Vinh	Thiện	24/03/2000	Gia Lai	0967	
20	Nguyễn Văn	Thiện	26/01/1996	Quảng Ngãi	0968	
21	Huỳnh Đức	Thịnh	25/11/2000	TP. HCM	0969	
22	Lê Đức	Thịnh	27/11/2000	TP. Hà Nội	0970	
23	Nguyễn Đức	Thịnh	16/09/1999	TP. HCM	0971	
24	Nguyễn Hưng	Thịnh	04/07/1980	Đồng Nai	0972	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
25	Nguyễn Phúc	Thịnh	15/10/1998	Cần Thơ	0973	
26	Trần Quang	Thịnh	18/06/1997	Đà Nẵng	0974	
27	Võ Thị Hồng	Thịnh	02/03/1987	Kon Tum	0975	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 38 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 3.1 - Từ SBD 0976 đến 1002)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Lê Nguyễn Hoài	Thơ	13/07/1982	Cần Thơ	0976	
2	Lê Thị Hồng	Thơ	27/10/1998	TP. HCM	0977	
3	Trương Ngọc	Thơ	13/06/1985	Long An	0978	
4	Ngô Thị Kim	Thoa	22/01/1984	TP. HCM	0979	
5	Trần Thị Tuyết	Thoa	10/06/1995	TP. HCM	0980	
6	Đông Thị Mỹ	Thơi	15/05/1993	TP. HCM	0981	
7	Nguyễn Thị	Thơm	25/04/1995	TP. HCM	0982	
8	Hồ Đức	Thông	21/10/1996	TP. HCM	0983	
9	Nguyễn Văn	Thông	25/10/1985	Đồng Nai	0984	
10	Huỳnh Thị Ngọc	Thu	16/07/1974	Tây Ninh	0985	
11	Lâm Kim	Thu	06/09/1998	TP. HCM	0986	
12	Lê Thị Thanh	Thu	15/04/1994	Khánh Hòa	0987	
13	Trần Thanh	Thu	23/10/1973	Đồng Nai	0988	

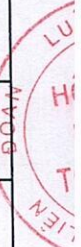
STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
14	Trịnh Thị Minh	Thu	19/02/1999	Gia Lai	0989	
15	Bùi Ngọc Anh	Thu	07/04/1998	TP. HCM	0990	
16	Dương Minh	Thu	07/01/1994	Tp. HCM	0991	
17	Hồ Nguyễn Anh	Thu	30/04/1999	TP. HCM	0992	
18	Lê Thị Anh	Thu	02/02/1996	Bến Tre	0993	
19	Nguyễn Huỳnh Minh	Thu	06/12/2000	Long An	0994	
20	Nguyễn Thị Anh	Thu	19/02/1995	Đồng Nai	0995	
21	Nguyễn Thị Anh	Thu	08/12/1997	TP. HCM	0996	
22	Nguyễn Thị Anh	Thu	15/02/1989	Tp. HCM	0997	
23	Nguyễn Thị Minh	Thu	01/08/1993	Đà Nẵng	0998	
24	Nguyễn Thị Minh	Thu	08/06/1997	Tp. HCM	0999	
25	Phạm Minh	Thu	31/07/2000	Khánh Hòa	1000	
26	Phan Minh	Thu	30/07/1999	TP. HCM	1001	
27	Trần Anh	Thu	04/06/1997	Trà Vinh	1002	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 39 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 3.1 - Từ SBD 1003 đến 1029)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Trương Anh	Thu	03/06/1998	TP. HCM	1003	
2	Trương Mai Đăng	Thu	25/01/1998	TP. HCM	1004	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
3	Võ Ngọc Minh	Thư	28/10/1999	TP. HCM	1005	
4	Ngô Ngọc	Thuận	17/06/1996	TP. HCM	1006	
5	Nguyễn Đức	Thuận	17/08/1999	TP. HCM	1007	
6	Nguyễn Hồ Hiếu	Thuận	22/03/1991	TP. HCM	1008	
7	Phạm Ngọc	Thuận	24/08/1974	Tp. HCM	1009	
8	Võ Minh	Thuận	12/01/1998	Tp. HCM	1010	
9	Lê Trí	Thức	09/09/1992	Cà Mau	1011	
10	Nguyễn Thiện	Thức	07/05/1973	Cần Thơ	1012	
11	Võ Dương Trường	Thức	02/09/1999	Đồng Nai	1013	
12	Nguyễn Thanh	Thương	20/11/1997	TP. HCM	1014	
13	Nguyễn Thị	Thương	17/06/1984	Tp. HCM	1015	
14	Nguyễn Thị	Thương	17/05/1990	TP. HCM	1016	
15	Ninh Văn	Thương	25/10/1998	TP. HCM	1017	
16	Phạm Thùy	Thương	26/05/1990	TP. HCM	1018	
17	Trần Phi	Thường	04/12/1991	Cần Thơ	1019	
18	Lê Cao	Thường	05/05/1985	Tp. HCM	1020	
19	Trần Văn	Thượng	16/11/1991	Đồng Nai	1021	
20	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	20/04/1997	Tp. HCM	1022	
21	Đặng Thị	Thúy	18/10/1984	Tp. HCM	1023	
22	Đặng Thị Thanh	Thúy	07/07/1997	TP. HCM	1024	



STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
23	Đặng Thị Thu	Thúy	09/06/1996	TP. HCM	1025	
24	Hồ Thị Xuân	Thúy	20/07/1991	Tp. HCM	1026	
25	Lê Thụy Cẩm	Thúy	12/11/1997	Tiền Giang	1027	
26	Nguyễn Thanh	Thúy	10/10/1974	Kiên Giang	1028	
27	Nguyễn Thị Kim	Thúy	27/12/1990	Tp. HCM	1029	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 40 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 3.3 - Từ SBD 1030 đến 1056)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Phạm Thanh	Thúy	18/09/1981	Tây Ninh	1030	
2	Trần Thị Thanh	Thúy	25/06/1985	TP. HCM	1031	
3	Trần Thị Thanh	Thúy	20/01/1988	Đồng Nai	1032	
4	Triệu Thị	Thúy	05/10/1996	Đồng Nai	1033	
5	Trương Thị Thanh	Thúy	10/07/1985	TP. HCM	1034	
6	Bùi Thị Ngọc	Thùy	06/04/1988	Tp. HCM	1035	
7	Trần Như	Thùy	05/04/1993	Vĩnh Long	1036	
8	Hoàng Thị Thu	Thủy	18/07/1995	Tp. HCM	1037	
9	Huỳnh Thị Thanh	Thủy	04/06/1988	Vĩnh Long	1038	
10	Huỳnh Thị Thu	Thủy	07/10/1997	TP. HCM	1039	
11	Lại Thị	Thủy	25/12/1981	TP. HCM	1040	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
12	Lê Thị Thanh	Thủy	22/03/2000	TP. HCM	1041	
13	Lưu Huyền	Thủy	01/02/1993	Tp. HCM	1042	
14	Nguyễn Thị	Thủy	15/08/1996	BR-VT	1043	
15	Nguyễn Thị	Thủy	20/12/1973	Đồng Nai	1044	
16	Nguyễn Thị	Thủy	19/11/1997	TP. HCM	1045	
17	Nguyễn Thị	Thủy	22/08/1998	TP. HCM	1046	
18	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	07/12/1997	TP. HCM	1047	
19	Phạm Ngọc	Thủy	15/08/1996	TP. HCM	1048	
20	Trần Thị Thanh	Thủy	14/03/1990	Tp. HCM	1049	
21	Trần Thị Thanh	Thủy	02/07/1999	TP. HCM	1050	
22	Trần Thị Thanh	Thủy	14/03/2000	TP. HCM	1051	
23	Phan Thị Cẩm	Thuyền	25/02/1988	Tp. HCM	1052	
24	Lê Văn	Thuyết	19/09/1998	TP. HCM	1053	
25	Nguyễn Phạm Xuân	Thy	28/07/1999	TP. HCM	1054	
26	Trần Thị Minh	Thy	03/11/1984	TP. Huế	1055	
27	Trương Thị Kim	Thy	19/02/1998	Gia Lai	1056	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 41 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 3.3 - Từ SBD 1057 đến 1083)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
-----	----	-----	-----------	---------	-------------	---------

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
1	Đoàn Thị Mỹ	Tiên	23/01/2000	TP. HCM	1057	
2	Hoàng Thị Cẩm	Tiên	16/08/1998	TP. HCM	1058	
3	Lưu Thị Thủy	Tiên	25/01/1991	Cần Thơ	1059	
4	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	12/12/1993	Tp. HCM	1060	
5	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	15/08/1995	TP. HCM	1061	
6	Phạm Phụng Hoàng	Tiên	26/07/1998	TP. HCM	1062	
7	Võ Ngọc Thủy	Tiên	30/03/1997	TP. HCM	1063	
8	Lương Hoàng Ngọc	Tiến	11/01/1995	TP. HCM	1064	
9	Nguyễn Minh	Tiến	25/08/1998	TP. HCM	1065	
10	Nguyễn Trường	Tiến	21/10/1997	Bình Dương	1066	
11	Trần Thị Kim	Tiến	27/06/1995	Tp. HCM	1067	
12	Võ Duy	Tiến	20/02/1995	TP. HCM	1068	
13	Hoàng Minh	Tiền	18/12/1988	Cần Thơ	1069	
14	Trần Thị Kim	Tiền	25/12/1997	TP. HCM	1070	
15	Bùi Văn	Tiết	01/01/1983	Bến Tre	1071	
16	Nguyễn Hữu	Tín	03/03/1998	TP. HCM	1072	
17	Nguyễn Trung	Tín	28/02/1995	TP. HCM	1073	
18	Trần Đại	Tín	02/06/1983	Cần Thơ	1074	
19	Nguyễn Đình	Tĩnh	04/08/1995	TP. HCM	1075	
20	Trần Văn	To	12/09/1962	Trà Vinh	1076	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
21	Nguyễn Bảo	Toàn	30/08/1991	Bình Dương	1077	
22	Nguyễn Văn	Toàn	10/03/1994	TP. HCM	1078	
23	Trần Ngọc	Toàn	21/05/1986	Đồng Nai	1079	
24	Hoàng Sơn	Trà	20/09/1987	TP. HCM	1080	
25	Nguyễn Thái Hương	Trà	23/06/2000	Đà Nẵng	1081	
26	Đỗ Thị Bích	Trâm	10/02/1997	TP. HCM	1082	
27	Huỳnh Thị Yến	Trâm	15/01/1998	Tp. HCM	1083	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 42 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 4.2 - Từ SBD 1084 đến 1110)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Lý Mỹ	Trâm	04/08/2000	TP. HCM	1084	
2	Nguyễn Lê Ngọc	Trâm	23/01/1995	TP. HCM	1085	
3	Nguyễn Ngọc Mai	Trâm	23/11/2000	TP. HCM	1086	
4	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	12/03/1993	TP. HCM	1087	
5	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	24/03/1992	Tp. HCM	1088	
6	Phạm Thị Thu	Trâm	27/02/1989	Tp. HCM	1089	
7	Trần Thị Bảo	Trâm	08/09/2000	TP. HCM	1090	
8	Võ Thị Bích	Trâm	12/08/1997	Hậu Giang	1091	
9	Trần Quốc	Trâm	06/06/1986	TP. HCM	1092	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
10	Diệp Huỳnh Bảo	Trân	29/09/1998	TP. HCM	1093	
11	Đỗ Quỳnh	Trân	17/06/1999	TP. HCM	1094	
12	Hồ Diệp	Trân	17/08/1977	Tp. HCM	1095	
13	Lê Duy	Trân	09/08/1995	Bình Thuận	1096	
14	Lê Huỳnh Ngọc	Trân	25/11/1999	TP. HCM	1097	
15	Lê Như	Trân	06/02/1986	Đồng Nai	1098	
16	Mã Thái	Trân	01/01/1996	TP. HCM	1099	
17	Ngô Đình Khánh	Trân	20/07/1994	TP. HCM	1100	
18	Ngô Thị Ngọc	Trân	03/01/1998	TP. HCM	1101	
19	Nguyễn Hồ Quỳnh	Trân	20/05/1997	TP. HCM	1102	
20	Hồ Thị Thùy	Trang	09/01/1995	Hà Tĩnh	1103	
21	Hoàng Hà	Trang	08/03/1996	TP. HCM	1104	
22	Huỳnh Thị Diễm	Trang	24/02/1998	TP. Huế	1105	
23	Lương Thị Thùy	Trang	21/03/1999	TP. HCM	1106	
24	Ngụy Thị	Trang	25/10/1989	TP. Hà Nội	1107	
25	Nguyễn Lê Thùy	Trang	07/08/1997	TP. HCM	1108	
26	Nguyễn Ngọc	Trang	25/10/1995	TP. HCM	1109	
27	Nguyễn Thảo	Trang	01/06/1997	TP. HCM	1110	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
-----	----	-----	-----------	---------	-------------	----------

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 43 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 4.4 - Từ SBD 1111 đến 1137)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Kiều	Trang	03/10/1992	Tây Ninh	1111	
2	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	11/04/1979	Tp. HCM	1112	
3	Nguyễn Thị Thu	Trang	26/09/1995	TP. HCM	1113	
4	Nguyễn Thụy Quỳnh	Trang	07/05/1984	TP. HCM	1114	
5	Phạm Huỳnh Thùy	Trang	16/09/1993	TP. HCM	1115	
6	Phạm Ngọc Đoàn	Trang	19/03/1996	Tp. HCM	1116	
7	Phạm Thị Thùy	Trang	04/08/1997	TP. HCM	1117	
8	Phan Thị Huyền	Trang	10/01/1999	Đồng Nai	1118	
9	Phan Thị Thùy	Trang	06/02/1998	TP. HCM	1119	
10	Phùng Thị Hiền	Trang	24/02/1992	TP. HCM	1120	
11	Trần Thị Diễm	Trang	09/08/1997	Tp. HCM	1121	
12	Trần Thùy	Trang	22/08/1998	TP. HCM	1122	
13	Võ Thùy	Trang	28/12/1996	Tp. HCM	1123	
14	Vũ Thị Diễm	Trang	25/03/1991	TP. HCM	1124	
15	Vũ Thị Thùy	Trang	12/07/1999	Đắk Lắk	1125	
16	Võ Quốc Cứu	Trang	10/05/1998	Đồng Nai	1126	
17	Nguyễn Minh	Trí	29/05/1994	TP. HCM	1127	
18	Nguyễn Từ Trọng	Trí	08/08/1989	Tp. HCM	1128	

NC
SU
JÔ

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
19	Phan Minh	Trí	24/02/1991	TP. HCM	1129	
20	Vũ Minh	Trí	08/02/1993	Tp. HCM	1130	
21	Nguyễn Quốc	Triều	15/10/1997	TP. HCM	1131	
22	Nguyễn Công	Triệu	09/04/1999	Quảng Nam	1132	
23	Dương Thị Lệ	Trinh	01/01/1987	TP. HCM	1133	
24	Lê Thị Mộng	Trinh	01/11/1977	Tp. HCM	1134	
25	Mai Thị Tuyết	Trinh	10/05/1995	Tp. HCM	1135	
26	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	28/05/1995	Đồng Tháp	1136	
27	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	09/09/1996	TP. HCM	1137	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 44 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 4.6 - Từ SBD 1138 đến 1164)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Võ Huỳnh	Trinh	18/09/1999	TP. HCM	1138	
2	Võ Thị	Trinh	06/05/1997	Tp. HCM	1139	
3	Vương Thị Tuyết	Trinh	29/10/1997	TP. HCM	1140	
4	Bùi Minh	Trinh	18/04/1999	TP. HCM	1141	
5	Nguyễn Văn	Trinh	23/01/1988	Đà Nẵng	1142	
6	Võ Tiến	Trinh	15/09/1994	TP. HCM	1143	
7	Trần Văn	Trọng	08/06/1983	TP. HCM	1144	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
8	Nguyễn Đức	Trọng	08/06/1999	TP. HCM	1145	
9	Phan Thanh	Trọng	12/05/1998	TP. HCM	1146	
10	Đoàn Phạm Thanh	Trúc	07/05/1978	Tp. HCM	1147	
11	Doãn Thị Thanh	Trúc	20/11/1994	TP. HCM	1148	
12	Nguyễn Hoàng Thanh	Trúc	25/08/1996	TP. HCM	1149	
13	Nguyễn Thanh	Trúc	07/12/1989	TP. HCM	1150	
14	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	16/03/1997	TP. HCM	1151	
15	Phạm Thị Huệ	Trúc	07/12/1998	TP. HCM	1152	
16	Tạ Quang Thạch	Trúc	27/11/1989	Đắk Lắk	1153	
17	Trần Thị Thanh	Trúc	04/07/2000	TP. Huế	1154	
18	Trương Hoàng	Trúc	21/03/2000	TP. HCM	1155	
19	Cái Nhật	Trung	01/04/1993	Bến Tre	1156	
20	Huỳnh Hoài	Trung	04/06/1997	Đồng Tháp	1157	
21	Huỳnh Sơn	Trung	03/06/1976	Tp. HCM	1158	
22	Lê Minh	Trung	10/08/1989	Cần Thơ	1159	
23	Lê Thành	Trung	14/06/1998	TP. HCM	1160	
24	Nguyễn Lê Minh	Trung	05/11/1994	TP. HCM	1161	
25	Nguyễn Thanh	Trung	08/02/1982	Tp. HCM	1162	
26	Nguyễn Toàn	Trung	17/03/1993	TP. HCM	1163	
27	Phan Thành	Trung	08/11/1995	TP. HCM	1164	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
-----	----	-----	-----------	---------	-------------	----------

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 45 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 4.1 - Từ SBD 1165 đến 1191)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Trần Hữu	Trung	03/06/1973	Tây Ninh	1165	
2	Trần Quốc	Trung	16/11/1990	Cần Thơ	1166	
3	Võ Mai	Trung	29/10/1983	An Giang	1167	
4	Võ Văn	Trung	11/10/1976	TP. HCM	1168	
5	Lê Minh	Tú	28/04/1998	Tp. HCM	1169	
6	Ngô Đức	Tú	12/07/1994	Đà Nẵng	1170	
7	Nguyễn Minh	Tú	29/08/1993	Quảng Nam	1171	
8	Nguyễn Thanh	Tú	10/04/1972	Cần Thơ	1172	
9	Trần Thanh Ngọc	Tú	02/01/1978	Cần Thơ	1173	
10	Nguyễn Thế	Tuân	15/05/1985	BR-VT	1174	
11	Tăng Ngọc	Tuân	23/03/1995	Long An	1175	
12	Bùi Văn	Tuấn	18/02/1987	Đồng Nai	1176	
13	Chu Quốc	Tuấn	08/01/1980	Tp. HCM	1177	
14	Đình Anh	Tuấn	20/06/1986	TP. HCM	1178	
15	Đỗ Mạnh	Tuấn	02/01/1979	Kon Tum	1179	
16	Dương Anh	Tuấn	05/01/1986	Tp. HCM	1180	
17	Hồ Hoàng	Tuấn	13/04/1991	TP. HCM	1181	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
18	Huỳnh Anh	Tuấn	16/08/1998	Đắk Lắk	1182	
19	Huỳnh Anh	Tuấn	25/10/1987	TP. HCM	1183	
20	Lê Ngọc	Tuấn	02/01/1995	TP. HCM	1184	
21	Lê Văn	Tuấn	25/03/1982	Đồng Nai	1185	
22	Mã Hoàng Anh	Tuấn	21/02/1996	TP. HCM	1186	
23	Nguyễn Hữu	Tuấn	04/10/1988	Đồng Nai	1187	
24	Nguyễn Lê Anh	Tuấn	24/08/1997	Đà Nẵng	1188	
25	Nguyễn Minh	Tuấn	01/03/1998	TP. HCM	1189	
26	Nguyễn Ngọc	Tuấn	20/01/1980	TP. HCM	1190	
27	Nguyễn Thành	Tuấn	19/03/1985	Đồng Nai	1191	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 46 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 4.1 - Từ SBD 1192 đến 1218)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nông Văn	Tuấn	04/08/1994	TP. HCM	1192	
2	Phan Minh	Tuấn	02/10/1999	TP. HCM	1193	
3	Phan Thanh	Tuấn	05/10/1990	TP. HCM	1194	
4	Phan Văn	Tuấn	12/09/1986	Tp. HCM	1195	
5	Trần Quang	Tuấn	25/01/1982	TP. Hà Nội	1196	
6	Vi Anh	Tuấn	02/01/1999	TP. HCM	1197	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
7	Võ Hồ Anh	Tuấn	26/02/1994	Tp. HCM	1198	
8	Vũ Anh	Tuấn	01/05/1983	Tp. HCM	1199	
9	Cao Thanh	Tùng	12/05/1992	TP. HCM	1200	
10	Lê Văn	Tùng	09/03/1997	Đà Nẵng	1201	
11	Nguyễn Hữu	Tùng	06/11/1984	TP. HCM	1202	
12	Nguyễn Thanh	Tùng	17/11/1984	TP. HCM	1203	
13	Trần Thanh	Tùng	28/05/1994	Lâm Đồng	1204	
14	Vũ Thanh	Tùng	05/06/1981	Đồng Nai	1205	
15	Bùi Linh	Túng	01/12/1998	Đồng Tháp	1206	
16	Nguyễn Duy	Tùng	10/10/1969	TP. HCM	1207	
17	Nguyễn Thanh	Tùng	08/10/1979	TP. HCM	1208	
18	Nguyễn Lê Cát	Trường	04/08/2000	Đồng Tháp	1209	
19	Nguyễn Huy	Trường	05/03/1974	Bình Phước	1210	
20	Giang Bảo	Tuyên	27/05/1984	Tp. HCM	1211	
21	Hoàng Hà	Tuyên	15/10/1989	Khánh Hòa	1212	
22	Phạm Ngọc	Tuyên	26/04/1999	TP. HCM	1213	
23	Phạm Thị Thanh	Tuyên	14/11/1997	TP. HCM	1214	
24	Võ Duy	Tuyên	06/10/1974	BR-VT	1215	
25	Đặng Ngọc	Tuyên	03/05/1996	TP. HCM	1216	
26	Nguyễn Thị Thanh	Tuyên	04/08/1992	Tp. HCM	1217	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
27	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	19/05/1985	Tp. HCM	1218	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 47 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 4.3 - Từ SBD 1219 đến 1245)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Trần Ngọc	Tuyền	09/06/1986	TP. HCM	1219	
2	Huỳnh Thị Kim	Tuyết	24/05/1994	Tp. HCM	1220	
3	Nguyễn Lê Thanh	Tuyết	08/09/1994	Tp. HCM	1221	
4	Trương Thị Ánh	Tuyết	06/06/1996	TP. Hà Nội	1222	
5	Nguyễn Hồng	Ty	19/09/1992	Đắk Lắk	1223	
6	Hứa Tấn	Tỷ	17/01/2000	Cần Thơ	1224	
7	Bùi Thu	Uyên	28/01/1999	TP. HCM	1225	
8	Bùi Thu	Uyên	01/11/1999	TP. HCM	1226	
9	Hồ Lạc Vũ	Uyên	30/05/1999	TP. HCM	1227	
10	Hồ Thị Tâm	Uyên	07/03/1998	Tp. HCM	1228	
11	Hoàng Phương	Uyên	19/11/1997	TP. HCM	1229	
12	Huỳnh Tố	Uyên	04/01/1993	Kiên Giang	1230	
13	Lê Phương	Uyên	01/01/1997	TP. HCM	1231	
14	Nguyễn Kiều	Uyên	12/10/1997	TP. HCM	1232	
15	Nguyễn Thị	Uyên	16/05/1979	Tp. HCM	1233	

ĐI ĐÓ
LUẬT
DÀN

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
16	Nguyễn Thị Tố	Uyên	03/03/1996	TP. HCM	1234	
17	Nguyễn Trần Bảo	Uyên	27/12/1993	TP. HCM	1235	
18	Phan Trịnh Thanh	Uyên	13/09/1993	Tp. HCM	1236	
19	Trần Nguyễn Tố	Uyên	07/04/1998	TP. HCM	1237	
20	Cao Thùy	Vân	07/11/1996	Tp. HCM	1238	
21	Đinh Thị Thu	Vân	29/06/1995	TP. HCM	1239	
22	Đinh Thị Thu	Vân	18/06/1993	Tp. HCM	1240	
23	Đỗ Thị	Vân	01/01/1990	TP. HCM	1241	
24	Doãn Thị Thanh	Vân	23/08/1988	TP. HCM	1242	
25	Huỳnh Thị Thanh	Vân	08/12/1997	TP. HCM	1243	
26	Lâm Thị Thúy	Vân	17/05/1992	TP. HCM	1244	
27	Nguyễn Thị Hồng	Vân	24/02/1981	Bình Phước	1245	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 48 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 4.3 - Từ SBD 1246 đến 1272)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hồng	Vân	23/08/1989	Tp. HCM	1246	
2	Nguyễn Thị Thanh	Vân	16/05/1995	TP. HCM	1247	
3	Nguyễn Thị Thùy	Vân	20/02/1981	Cà Mau	1248	
4	Phạm Công	Vân	18/09/1963	Lâm Đồng	1249	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
5	Phạm Thị Thanh	Vân	29/09/1976	Cần Thơ	1250	
6	Phan Thị	Vân	25/10/1991	TP. HCM	1251	
7	Trần Thị Cẩm	Vân	18/12/1999	TP. HCM	1252	
8	Trần Thị Tường	Vân	25/04/1991	TP. HCM	1253	
9	Trần Thùy	Vân	15/09/1997	TP. HCM	1254	
10	Võ Thị	Vân	05/01/1975	Tp. HCM	1255	
11	Hồ Hoài	Văn	01/10/1996	Đồng Tháp	1256	
12	Nguyễn Anh	Văn	02/04/1975	Đồng Nai	1257	
13	Phạm Hiền	Văn	10/11/1983	TP. HCM	1258	
14	Trần Đình	Văn	05/10/1984	TP. HCM	1259	
15	Nguyễn Thành	Vận	01/12/1973	Bình Dương	1260	
16	Đình Thục	Vi	25/12/2000	Đà Nẵng	1261	
17	Lâm Anh	Vi	20/01/1989	Tp. HCM	1262	
18	Lê Thảo	Vi	30/05/1996	TP. HCM	1263	
19	Lê Văn	Vi	23/10/1976	Tp. HCM	1264	
20	Nguyễn Thị Thúy	Vi	04/08/1997	Tp. HCM	1265	
21	Vương Minh	Vị	29/10/1978	Tp. HCM	1266	
22	Nguyễn Thị	Viễn	20/05/1992	Tp. HCM	1267	
23	Cao Đình Hồng	Việt	24/09/1987	TP. HCM	1268	
24	Đỗ Trung	Việt	07/10/1999	TP. HCM	1269	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
25	Nguyễn Hoàng Đức	Việt	19/05/1995	TP. HCM	1270	
26	Phạm Quốc	Việt	16/11/1999	TP. HCM	1271	
27	Phạm Văn	Việt	05/09/2000	Đà Nẵng	1272	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

**BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 49 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 4.5 - Từ SBD 1273 đến 1299)**

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Phạm Văn	Việt	24/07/1984	Tp. HCM	1273	
2	Phản Thế	Việt	24/10/1988	TP. HCM	1274	
3	Trần	Việt	21/10/1990	TP. HCM	1275	
4	Bùi Thế	Vinh	25/11/1994	TP. HCM	1276	
5	Đỗ Đức	Vinh	19/02/1992	Tp. HCM	1277	
6	Lê Văn	Vinh	23/09/1983	Cần Thơ	1278	
7	Lê Văn	Vinh	21/12/1984	TP. HCM	1279	
8	Nguyễn Công	Vinh	23/04/1997	TP. HCM	1280	
9	Nguyễn Thành	Vinh	10/12/1978	Tp. HCM	1281	
10	Phạm Trung Phan Xuân	Vinh	06/03/1986	Tp. HCM	1282	
11	Trương Quang	Vinh	03/05/1977	TP. HCM	1283	
12	Nguyễn Cửu	Vinh	06/06/1986	BR-VT	1284	
13	Nguyễn Gia	Võ	18/02/1997	Tp. HCM	1285	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
14	Bùi Đình Quang	Vũ	28/02/1991	Đắk Nông	1286	
15	Đỗ Ngọc	Vũ	27/08/1988	TP. HCM	1287	
16	Nguyễn Minh	Vũ	21/07/1993	TP. HCM	1288	
17	Nguyễn Thành	Vũ	30/08/1977	Khánh Hòa	1289	
18	Phạm Xuân	Vũ	09/11/1982	TP. HCM	1290	
19	Võ Văn	Vũ	27/11/1977	TP. HCM	1291	
20	Nguyễn Cao Trường	Vũ	19/09/1999	TP. HCM	1292	
21	Võ Thị Uyên	Vui	28/03/1991	TP. HCM	1293	
22	Phạm Minh	Vương	03/02/1994	Đắk Nông	1294	
23	Trần Minh	Vương	15/02/1999	Tp. HCM	1295	
24	Lê Thịnh	Vượng	30/03/1976	TP. HCM	1296	
25	Đoàn Thị Ái	Vy	19/02/1999	TP. Hà Nội	1297	
26	Huỳnh Lê Yên	Vy	22/02/1999	TP. HCM	1298	
27	Lê Hoàng Quỳnh	Vy	18/09/1985	TP. HCM	1299	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 50 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 4.5 - Từ SBD 1300 đến 1326)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Lê Nguyễn Hoàng	Vy	14/06/1993	TP. HCM	1300	
2	Nguyễn Chúc	Vy	02/06/1992	TP. HCM	1301	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
3	Nguyễn Khánh	Vy	27/02/1996	Đà Nẵng	1302	
4	Nguyễn Thanh Thảo	Vy	05/11/1998	TP. HCM	1303	
5	Nguyễn Thảo	Vy	30/01/1998	TP. HCM	1304	
6	Nguyễn Thị Thảo	Vy	17/06/1998	Bình Dương	1305	
7	Nguyễn Thị Thảo	Vy	01/08/1998	TP. HCM	1306	
8	Trần Nguyễn Lê	Vy	06/09/1996	TP. HCM	1307	
9	Trần Thị Ái	Vy	25/11/1999	TP. HCM	1308	
10	Mạch Triệu	Vỹ	17/11/1991	Tp. HCM	1309	
11	Nguyễn Văn	Xịn	01/08/1984	TP. HCM	1310	
12	Nguyễn Phạm Thanh	Xuân	03/01/1997	TP. HCM	1311	
13	Nguyễn Thị	Xuân	07/03/1994	Quảng Nam	1312	
14	Lê Thị Hồng	Xuyến	25/12/1992	TP. HCM	1313	
15	Đình Thị Như	Ý	15/03/1994	Quảng Nam	1314	
16	Lê Như	Ý	31/10/1989	TP. HCM	1315	
17	Lưu Khã	Ý	25/06/2000	TP. Huế	1316	
18	Trần Thị Ngọc	Ý	27/12/1999	TP. HCM	1317	
19	Phan Thị Ngọc	Yên	24/09/1997	Tp. HCM	1318	
20	Hoàng Thị Hải	Yến	16/06/1999	TP. HCM	1319	
21	Lê Hoàng	Yến	17/08/1997	TP. HCM	1320	
22	Lê Hoàng Bảo	Yến	15/11/1998	TP. HCM	1321	

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	buổi thi
23	Lê Thị	Yên	02/09/1996	TP. HCM	1322	
24	Lê Thị Nhật	Yên	24/03/1976	Cà Mau	1323	
25	Nguyễn Diễm	Yên	19/11/1990	TP. HCM	1324	
26	Nguyễn Thị Hải	Yên	03/01/1993	Cà Mau	1325	
27	Phan Kim	Yên	29/10/1984	TP. HCM	1326	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 16, buổi chiều từ số thứ tự 17 đến hết.